

Số: 112/BC-TKT

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026

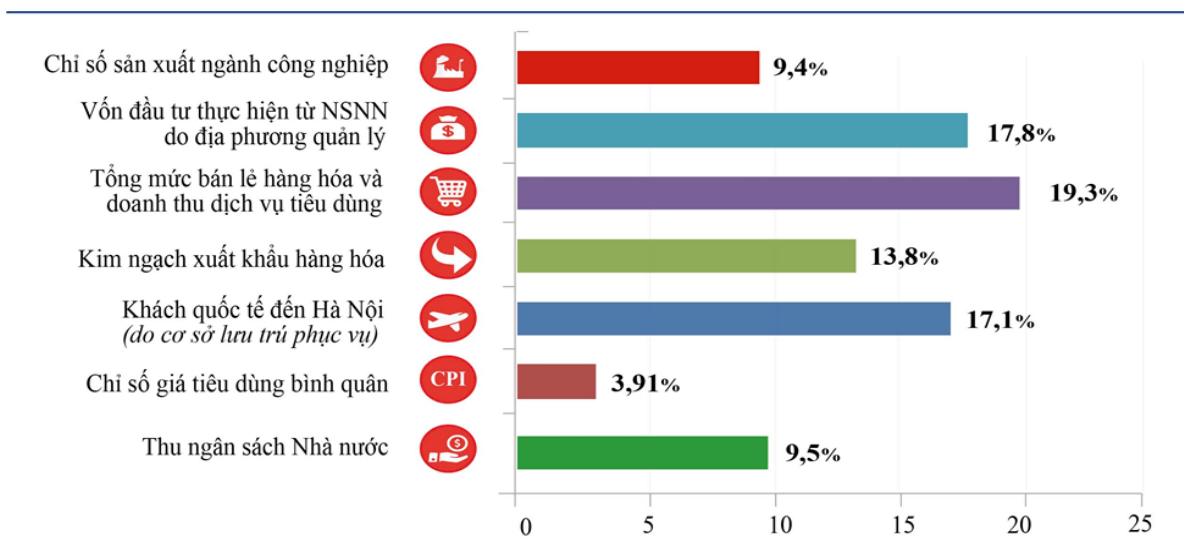
BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Hai và 02 tháng đầu năm 2026

Tháng Hai năm 2026, Hà Nội cùng nhân dân cả nước đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ vui tươi, an toàn, tiết kiệm. Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm điều hành chính sách tài khóa tiền tệ và chính sách tài khóa năm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo dõi sát biến động giá cả, thị trường trước, trong và sau Tết; hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu và nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất; chủ động, kịp thời các giải pháp điều tiết cung cầu, bình ổn thị trường, điều tiết sản xuất, không để thiếu hàng, sốt giá. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê khai, niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết, xử lý nghiêm các hành vi tăng giá bất hợp lý. Tại các công trình, dự án (đặc biệt là các công trình trọng điểm) đang thi công trên địa bàn Thủ đô, Thành phố chỉ đạo các doanh nghiệp, chủ đầu tư, nhà thầu hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần chu đáo, đầy đủ, kịp thời, thiết thực cho công nhân và người lao động ở lại làm việc trên công trường trong dịp Tết. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đảm bảo ngân sách nhà nước và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Kết quả thực hiện trong tháng Hai, kinh tế Thành phố tiếp tục tăng trưởng tốt, an sinh xã hội được đảm bảo.

Tốc độ tăng một số lĩnh vực chủ yếu 02 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Đến nay, Thành phố đã thu hoạch xong cây màu vụ Đông với diện tích 4,6 nghìn ha ngô, năng suất ước đạt 52,2 tạ/ha; 872 ha khoai lang, năng suất đạt 96,5 tạ/ha; 719 ha đậu tương, năng suất đạt 19,7 tạ/ha; 220 ha lạc, năng suất 22,8 tạ/ha; 13,7 nghìn ha rau, năng suất 229 tạ/ha; 64 ha đậu các loại, năng suất 18 tạ/ha.

Trong tháng Hai, các địa phương tập trung gieo trồng lúa và cây màu vụ Xuân. Công tác lấy nước được thực hiện khẩn trương nhằm đảm bảo trong khung thời vụ tốt nhất, thời gian lấy nước đợt 2 vụ Xuân năm 2026 bắt đầu từ 0 giờ ngày 29/01/2026 đến 24 giờ ngày 04/02/2026 (kéo dài 7 ngày) nhằm đảm bảo đủ nước cho 100% diện tích gieo cấy trên địa bàn Hà Nội. Trong đợt này, các nhà máy thủy điện đã vận hành tối đa công suất để nâng mực nước sông Hồng tại trạm Hà Nội trung bình đạt khoảng 1,7-1,9m. Tính đến 20/02/2026, Thành phố đã gieo trồng vụ Đông Xuân được 57,0 nghìn ha lúa, tăng 1,8% so với tiến độ gieo trồng vụ Đông Xuân năm trước; 6,0 nghìn ha ngô, bằng 88,8%; 947 ha khoai lang, bằng 99,1%; 822 ha đậu tương, bằng 98,9%; 531 ha lạc, bằng 74,8%; 21,4 nghìn ha rau các loại, tăng 1,3%; 190 ha đậu các loại, tăng 26,7%.

Tiến độ gieo trồng vụ Xuân năm 2026 sớm do Tết Nguyên đán Bính Ngọ đến chậm hơn so với Tết Nguyên đán năm trước. Ngay sau Tết, Thành phố có kế hoạch, hướng dẫn, tuyên truyền các địa phương tranh thủ thời tiết ẩm áp, nguồn nước thuận lợi, khẩn trương gieo cấy nhằm bảo đảm kế hoạch, phân đấu hoàn thành gieo cấy lúa Xuân trước ngày 05/3/2026. Ngoài ra, các địa phương cũng chủ động gieo mạ dự phòng với tỷ lệ 10 - 15% giống lúa ngắn ngày để ứng phó kịp thời trong trường hợp điều kiện thời tiết không thuận.

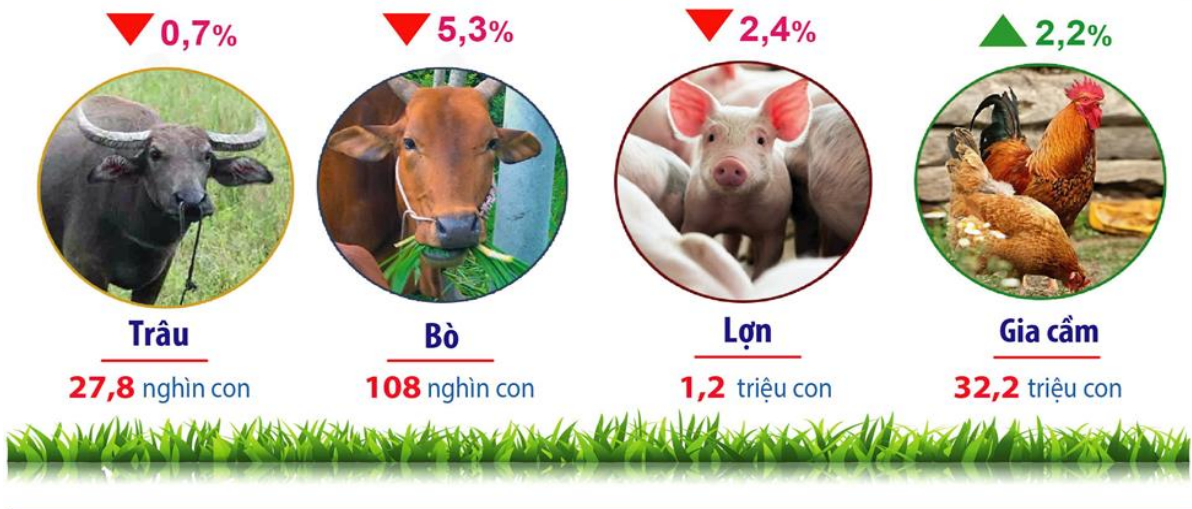
Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong tháng ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Sản lượng thịt gia súc, gia cầm dồi dào, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân Thủ đô trước, trong và sau Tết Nguyên đán, không xảy ra tình trạng khan hiếm thực phẩm. Đến nay, các cơ sở chăn nuôi đang tập trung chăm sóc đàn vật nuôi còn lại, đồng thời vệ sinh chuồng trại khẩn trương tái đàn lứa mới sau khi đã cung ứng nguồn thực phẩm trong dịp Tết; đàn trâu hiện có 27,8 nghìn con, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 108 nghìn con, giảm 5,3%; đàn lợn 1,2 triệu con, giảm 2,4%¹; đàn gia cầm 32,2 triệu con, tăng 2,2%² (đàn gà 22,9 triệu con, tăng 2,0%).

¹ Đàn lợn không bao gồm lợn con chưa tách mẹ; trong tháng 02/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi phát sinh tại 4 hộ trên địa bàn 2 thôn thuộc 2 xã (xã Dương Hòa, Yên Xuân), tiêu hủy 100 con lợn, tương đương trọng lượng 3,2 tấn. Lũy kể từ đầu năm đến nay, dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 13 hộ trên địa bàn 22 thôn thuộc 6 xã (xã Dương Hòa, Quảng Oai, Đa Phúc, Hát Môn, Phúc Lộc và Yên Xuân), tiêu hủy 467 con lợn với trọng lượng 20,5 tấn.

² Đàn gia cầm chỉ bao gồm gà, vịt, ngan.

Số lượng gia súc, gia cầm có đến cuối tháng 02 năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Hưởng ứng phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, sáng mùng 6 Tết, tức ngày 22/02/2026, các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đồng loạt tổ chức lễ phát động và triển khai trồng hàng chục nghìn cây xanh nhân dịp Xuân Bính Ngọ, với nhiều nội dung thiết thực, không chỉ dừng ở một ngày ra quân mà hướng tới mục tiêu, phát triển bền vững, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu, xây dựng Thủ đô “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”, nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo không gian sống thân thiện, góp phần cải thiện sức khỏe tinh thần cho người dân. Trong tháng Hai, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1,6 nghìn m³, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung, 02 tháng đầu năm, sản lượng gỗ đạt 3,2 nghìn m³, giảm 2,4%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 64,0 nghìn cây, giảm 3,0%.

Sản xuất thủy sản trong tháng trên địa bàn phát triển ổn định, các cơ sở nuôi trồng thủy sản đang tích cực chuẩn bị cho đợt thả giống nuôi mới đối với những diện tích đã thu hoạch cuối năm 2025. Sản lượng thủy sản tháng 02/2026 ước đạt 9,6 nghìn tấn (chủ yếu sản lượng cá nuôi trồng), tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2025; tính chung 02 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản đạt 19,6 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp

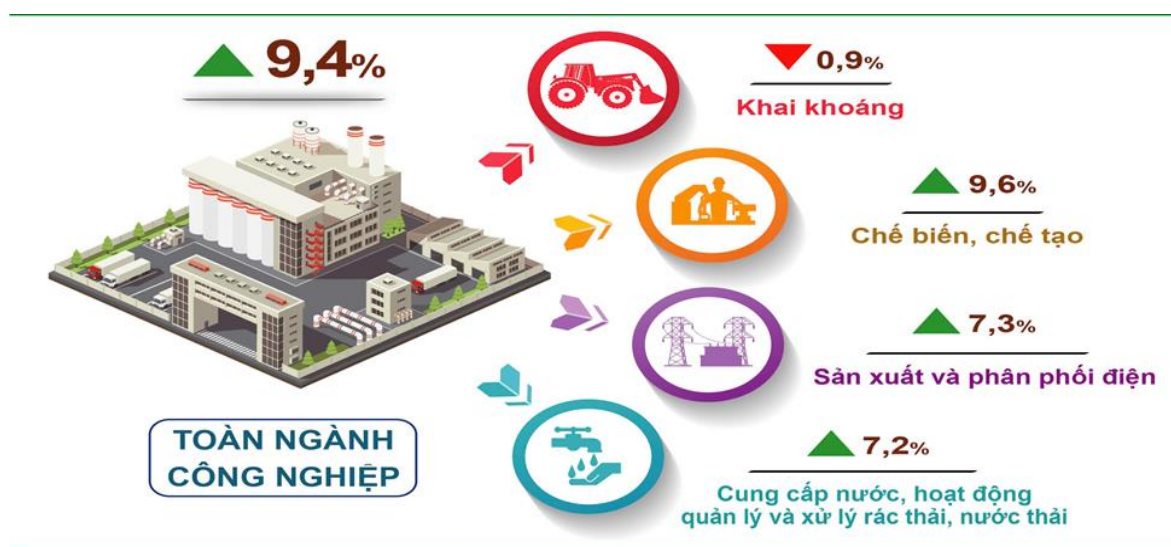
Tháng 02/2026 trùng 09 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ nên số ngày làm việc phục vụ hoạt động sản xuất ít hơn tháng trước và tháng 02 cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Hai ước tính giảm 18,4% so với tháng trước và giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 20,2% và giảm 6,0%; sản xuất và phân phối điện giảm 2,2% và tăng 6,1%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải giảm 3,7% và tăng 0,6%; công nghiệp khai khoáng giảm 30,9% và giảm 10,6%.

Với mục tiêu đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong năm 2026, ngay từ ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán (ngày 23/02/2026, tức mùng 7 tháng Giêng), trên địa bàn Thành phố đã có 93,7% doanh nghiệp mở xưởng sản xuất (các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tỉ lệ đạt 97,5%), tỷ lệ công nhân quay lại làm việc cũng đạt mức cao, với 96,4% lao động trở lại (các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội là 96,0%). Đến ngày 26/02/2026 (mùng 10 tháng Giêng), tỉ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại là 99,5%, trong đó các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đạt 100%; công nhân quay lại làm việc cũng tăng lên 99,5%, đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất sau kỳ nghỉ Tết và kế hoạch sản xuất đầu năm 2026.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,3%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 7,2%; công nghiệp khai khoáng giảm 0,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Trong 02 tháng đầu năm nay, một số ngành chế biến, chế tạo có chỉ số IIP tăng cao so với cùng kỳ năm trước:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 30,3%;
- Sản xuất kim loại tăng 21,1%;
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 19,0%;
- Sản xuất đồ uống tăng 16,7%;
- sản xuất sản phẩm từ kim loại tăng 15,2%;
- Sản xuất xe có động cơ tăng 14,7%;
- Sản xuất thiết bị điện tăng 12,8%;

- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 12,2%;
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,8%.

Bên cạnh đó, 5/23 ngành công nghiệp chế biến chế tạo có chỉ số IIP 2 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ:

- Dịch vụ in và sao chụp bản ghi giảm 21,3%;
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 5,5%;
- Sản xuất trang phục giảm 4,0%;
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 0,3%;
- Công nghiệp chế biến chế tạo khác giảm 3,4%.

Cùng với xu hướng chung của toàn ngành công nghiệp, tính chung 02 tháng đầu năm nay, hầu hết các sản phẩm công nghiệp chủ lực (chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo) có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Xe mô tô, xe máy có dung tích xi-lanh dưới 250cc gấp 2,6 lần cùng kỳ; xe ô tô có động cơ gấp 2,2 lần; cửa bằng plasstic tăng 79,5%; dụng cụ đun nước nóng tăng 79,2%; máy copy và in tăng 72,7%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) tăng 63,3%; bao bì và túi bằng giấy tăng 55,8%; ghế có khung bằng kim loại tăng 22,9%; cửa bằng sắt, thép tăng 21,9%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số giảm như: Quạt công suất dưới 125W giảm 58,6%; thuốc trừ sâu giảm 30,3%; sữa và kem chưa cô đặc giảm 22,4%; bàn ghế bằng gỗ giảm 12,4%; giày, dép giảm 10,9%; áo sơ mi cho người lớn giảm 8,0%; thuốc kháng sinh dạng bột, cốm giảm 7,4%.

Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp thời điểm cuối tháng Hai tương đương tháng trước và tăng 12,5% so với cùng thời điểm năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm nay, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lao động đang làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 14,0%; khu vực Nhà nước tăng 11,6%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 10,3%. Chia theo ngành kinh tế: Lao động đang làm việc trong ngành chế biến, chế tạo tăng 13,1%. Lao động ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 2,9%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,5%; ngành khai khoáng tăng 50,1%.

3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

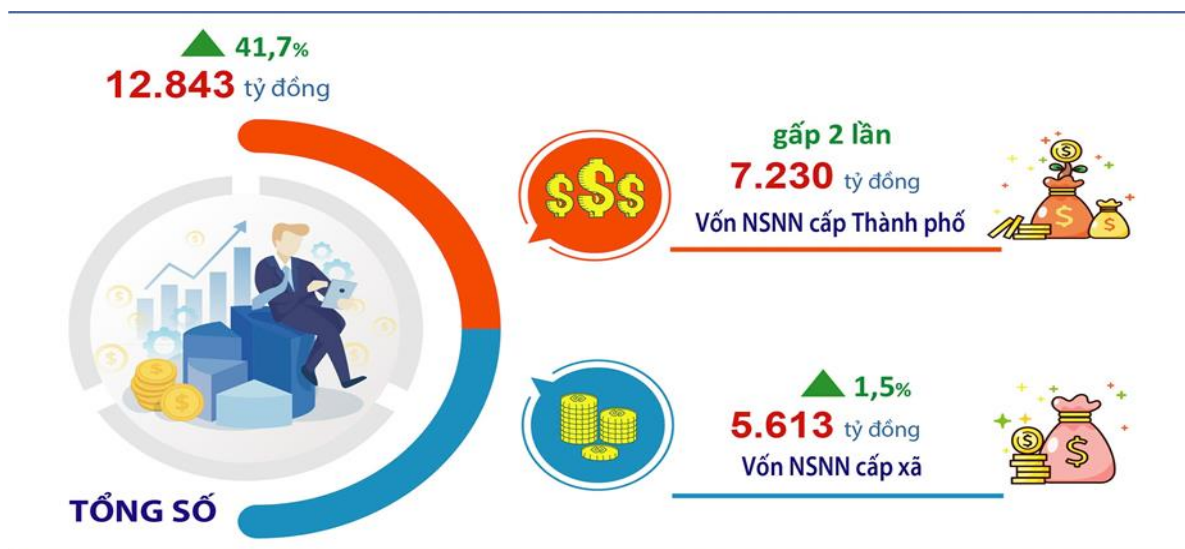
Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước, vốn đầu tư công tiếp tục được xác định là nguồn lực cốt lõi, giữ vai trò chủ đạo trong việc hoàn thiện hạ tầng chiến lược và dẫn dắt tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Từ định hướng đó, việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân không chỉ trực tiếp tháo gỡ điểm nghẽn cho các dự án lớn mà còn kích hoạt mạnh mẽ các dòng vốn từ khu vực tư nhân và nước ngoài. Sự khơi thông dòng

bộ các nguồn lực này đã góp phần tạo động lực mạnh mẽ để thành phố Hà Nội quyết liệt triển khai, nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm 2026.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng 02/2026 ước tính đạt 5.382 tỷ đồng, giảm 27,9% so với tháng trước (do tháng 02/2026 trùng với thời điểm nghỉ Tết Nguyên đán) và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 3.045 tỷ đồng, giảm 27,3% và tăng 71,1%; NSNN cấp xã 2.337 tỷ đồng, giảm 28,6% và giảm 16,2%. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý đạt 12.843 tỷ đồng, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 10,2% kế hoạch năm 2026, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 7.230 tỷ đồng, gấp hơn 2,0 lần và đạt 10,7%; NSNN cấp xã 5.613 tỷ đồng, tăng 1,5% và đạt 9,6%.

Trong thời gian tới, Thành phố ưu tiên đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và tổ chức thi công. Thêm vào đó, kỷ luật đầu tư công sẽ được siết chặt thông qua việc cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu và phân rõ chỉ tiêu giải ngân chi tiết theo từng tháng; qua đó bảo đảm dòng vốn được đưa vào thực tiễn một cách thực chất, liên tục và bền vững ngay từ đầu năm 2026.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước 02 tháng đầu năm 2026
(So với cùng kỳ năm trước)



Năm 2026, xác định giải phóng mặt bằng (GPMB) là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy các dự án hạ tầng chiến lược. Các sở, ban, ngành và chính quyền các cấp đã nghiêm túc quán triệt chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố, triển khai quyết liệt các công việc ngay từ những tháng đầu năm. Trên cơ sở phát huy tối đa sự đồng lòng, ủng hộ của Nhân dân, Thành phố đã tập trung tháo gỡ dứt điểm các điểm nghẽn tại các dự án. Đến nay, tiến độ bàn giao mặt bằng tại nhiều

dự án đã có sự chuyển biến rõ nét, tạo tiền đề vững chắc cho công tác thi công và giải ngân. Kết quả thực hiện nổi bật trong tháng 02/2026 cụ thể như sau:

Nhóm dự án cơ bản hoàn thành GPMB: Dự án Vành đai 1 (Hoàng Cầu – Voi Phục) đã cơ bản bàn giao xong mặt bằng, hoàn thành phá dỡ, di chuyển cây xanh, chuyển mạnh sang thi công cao điểm, tạo chuyển biến rõ rệt về tiến độ.

Nhóm vành đai - trục hướng tâm: Vành đai 2,5; đường 3,5; cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đã hoàn thành nhiều khâu chuẩn bị GPMB, từng bước bàn giao mặt bằng để thi công; tuy nhiên khối lượng GPMB còn lớn, phân tán nhiều địa bàn, tồn tại vướng mắc về đất ở, đất nông nghiệp, mộ chí, công trình tôn giáo.

Nhóm 07 dự án cầu vượt sông Hồng (trọng tâm hiện nay): Các dự án Tứ Liên, Trần Hưng Đạo, Ngọc Hồi, Thượng Cát, Vân Phúc, Hồng Hà, Mễ Sở đã giải ngân cao, thi công mạnh, song phụ thuộc quyết định vào tiến độ GPMB. Theo đó: Cầu Tứ Liên đã bàn giao khoảng 39,1/62,5 ha, giải ngân 100% kế hoạch; Cầu Ngọc Hồi giải ngân 100% vốn năm 2025 (khoảng 2.946 tỷ đồng), phía Hà Nội cơ bản xong GPMB và nhiều dự án khác đạt trên 70% diện tích GPMB. Dự kiến toàn bộ 07 dự án sẽ hoàn thành trong quý II/2027, trước ngày khai mạc Hội nghị Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC 2027).

Dự án Vành đai 4 – Vùng Thủ đô: Công tác GPMB cơ bản hoàn thành; 13/13 khu tái định cư đã xây dựng xong; đường song hành đã thi công khoảng 35/50,8 km (tương đương 85%), tạo nền tảng vững cho thi công đồng loạt.

Đến nay, công tác GPMB đã chuyển từ giai đoạn chuẩn bị sang giai đoạn xử lý thực chất; nhiều dự án đã sạch mặt bằng, thi công cao điểm. Trọng tâm thời gian tới cần tập trung cao độ cho GPMB các dự án cầu vượt sông Hồng, các tuyến vành đai, quốc lộ; chỉ đạo theo nguyên tắc “Rõ địa bàn - rõ mốc thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm bàn giao”; gắn tiến độ GPMB với tiến độ thi công, giải ngân và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu.

4. Thu hút đầu tư nước ngoài và tình hình đăng ký doanh nghiệp

4.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong tháng Hai, thành phố Hà Nội thu hút 232,8 triệu USD vốn FDI, trong đó: 37 dự án đăng ký mới với tổng vốn đầu tư đạt 5,6 triệu USD; 09 dự án được điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn đăng ký tăng 222,0 triệu USD; 20 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần với số vốn đạt 5,2 triệu USD.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, Thành phố thu hút 335,6 triệu USD vốn FDI, trong đó: Đăng ký cấp mới 100 dự án với số vốn đạt 37,3 triệu USD; 26 dự án bổ sung tăng vốn đầu tư với 248,3 triệu USD; 64 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần đạt 50,0 triệu USD. Trong thời gian qua, Hà Nội đã

và đang chủ động nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư FDI linh hoạt và hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số hành chính, số hóa 100% quy trình cấp phép đầu tư.

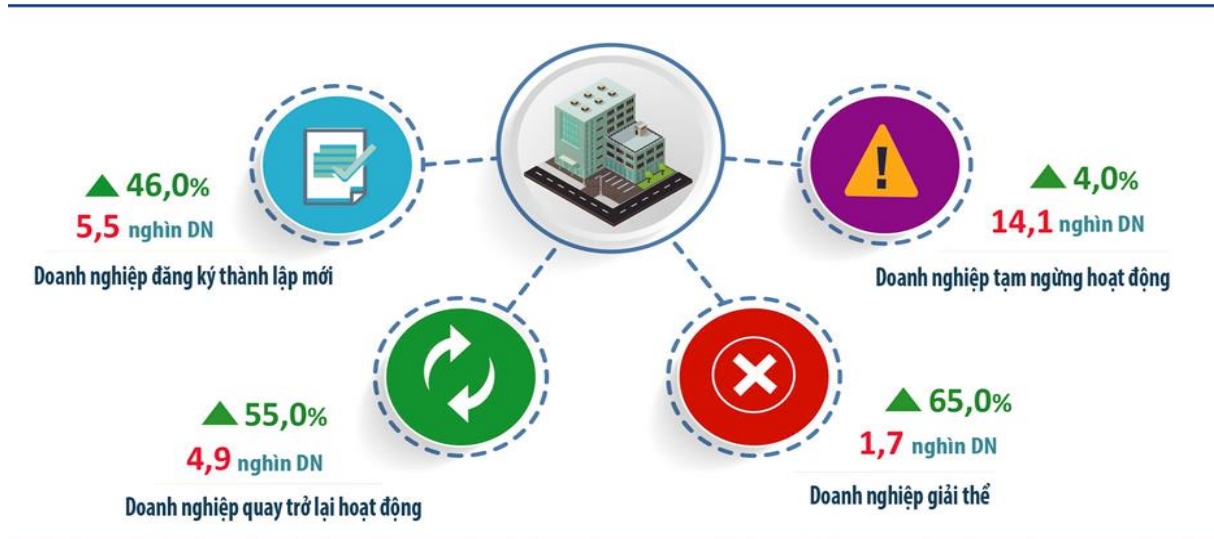
4.2. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Hai, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 1.812 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 4,0% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 19,5 nghìn tỷ đồng, tăng 56,0%; 251 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 43,0%; 977 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 17,0%; 499 doanh nghiệp giải thể, tăng 32,0%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 5,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 46,8 nghìn tỷ đồng, tăng 46,0% về số lượng doanh nghiệp và gấp 2,5 lần vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 4,9 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 55,0%; 14,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 4,0%; 1,7 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 65,0%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Đăng ký doanh nghiệp 02 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



5. Thương mại, du lịch và dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng Hai năm nay là thời điểm diễn ra các hoạt động Lễ hội sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ và Lễ hội Xuân 2026, tình hình cung cầu hàng hóa tại các chợ truyền thống, chuỗi siêu thị, trung tâm thương mại cơ bản ổn định, đảm bảo nguồn cung ra thị trường, không xảy ra hiện tượng thiếu hàng, tăng giá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai ước tính đạt 87,4

nghìn tỷ đồng, tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 57,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% và tăng 23,5%³; doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 10,9 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và tăng 9,5%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 2,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% và tăng 3,6%; doanh thu dịch vụ khác đạt 16,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% và tăng 15,0%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 171,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 112,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 65,8% tổng mức và tăng 15,8% (đá quý, kim loại quý tăng 49,7%; xăng dầu các loại tăng 16,4%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 15,1%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 14,9%; lương thực, thực phẩm tăng 13,2%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,5%; hàng may mặc tăng 10,3%; ô tô con tăng 6,2%; hàng hóa khác tăng 15,6%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 21,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,5% và tăng 9,9% (dịch vụ lưu trú tăng 20,9%; dịch vụ ăn uống tăng 8,6%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 5,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,1% và tăng 7,3%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 31,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,6% và tăng 7,7%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 02 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



Tổng hợp tình hình hàng hóa phục vụ trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 trên địa bàn Thành phố

Công tác chuẩn bị và tổ chức các hoạt động phục vụ Tết: Đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán 2026, các đơn

³ Trong tháng 02/2026, doanh thu bán lẻ các nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm trước như: Đá quý, kim loại quý tăng 55,4%; xăng dầu tăng 25,1%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 23,5%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 23,4%; lương thực, thực phẩm tăng 23,3%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 22,1%; hàng may mặc tăng 18,6%; ô tô con tăng 16,4%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 14,6%; hàng hóa khác tăng 25,2%...

vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đã có Kế hoạch sản xuất, khai thác, luân chuyển hàng hóa từ 02-03 tháng trước Tết. Vì vậy, hàng hóa phục vụ Tết dồi dào, đa dạng, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Để thúc đẩy hoạt động bán hàng trong dịp Tết, các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, hệ thống bán lẻ đều đa dạng hóa phương thức bán hàng (bán hàng trực tiếp, qua các kênh bán hàng thương mại điện tử thông qua website, nền tảng mạng xã hội) và liên kết với các đơn vị giao hàng để thu hút người mua sắm.

Tổ chức bán hàng phục vụ Tết tại hệ thống các điểm bán hàng trên địa bàn gồm: 468 chợ, 141 siêu thị, trên 2000 cửa hàng tiện ích, 120 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, hàng chục nghìn cửa hàng tạp hóa trên địa bàn, trên 286 website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử và các kênh bán hàng đa phương tiện. Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, doanh thu bán hàng phục vụ Tết của các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tăng trung bình 8% - 35% so với Tết Ất Ty 2025, trong đó tỷ trọng hàng Việt Nam chiếm khoảng 80%- 90%. Các hệ thống phân phối mở cửa 1.290 điểm bán hàng thiết yếu; xăng dầu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân Thủ đô từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 5 Tết (trong đó, 40 điểm bán mở cửa ngày mùng 1 Tết, 106 điểm bán mở cửa mùng 2 Tết, 159 điểm bán mở cửa mùng 3 Tết, 1.290 điểm bán mở cửa mùng 4 và mùng 5 Tết). Giá cả hàng hóa duy trì ổn định so với thời điểm trước Tết. Sau Tết, các đơn vị vẫn đảm bảo lượng hàng hóa trong kho hợp lý sẵn sàng phục vụ nhân dân. Đến ngày mùng 6 Tết, hầu hết các siêu thị, cửa hàng tiện lợi đã mở cửa trở lại với nhiều chương trình khuyến mãi, lì xì đầu xuân cho khách hàng, hàng hóa tại các điểm bán vẫn phong phú, đa dạng, giá bán ổn định so với trước Tết đáp ứng nhu cầu mua sắm sau Tết của người dân.

Đối với các chợ trên địa bàn: Vào các ngày sát Tết, lượng hàng thực phẩm tươi sống về chợ tăng 20% và lượng khách đến mua sắm tăng trung bình 32% so với ngày thường. Giá cả hàng hóa tại chợ ổn định, không có hiện tượng tăng giá đột biến. Tại các chợ truyền thống, việc thanh toán không dùng tiền mặt đã trở nên phổ biến, được các hộ kinh doanh và người tiêu dùng lựa chọn. Từ chiều mùng 2 Tết, một số chợ đã hoạt động trở lại; tuy nhiên, số lượng tiêu thụ chưa nhiều. Theo phong tục truyền thống; đầu năm, các mặt hàng được bày bán và tiêu thụ trong ngày này chủ yếu là hoa, quả tươi, bánh kẹo phục vụ việc đi lễ, nguồn cung các mặt hàng tươi sống tương đối phong phú như thịt lợn, thịt bò, thịt gia cầm, thủy hải sản, rau xanh... nên không xảy ra hiện tượng tăng giá đột biến, giá bán hàng hoá cơ bản ổn định so với thời điểm sát Tết.

Đối với các sàn thương mại điện tử (TMĐT): Các sàn TMĐT đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi cùng chính sách, dịch vụ giúp khách hàng mua sắm thuận tiện và thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa như liên kết với các tỉnh thành xây dựng các gói chương trình hàng Việt, các chương trình ưu đãi như cung cấp

voucher tích lũy, voucher giảm giá và mã miễn phí vận chuyển, các chương trình ưu đãi riêng cho khách hàng thanh toán trực tuyến thông qua ví điện tử hoặc thẻ ngân hàng, chơi mini game săn mã khuyến mại... để hỗ trợ người tiêu dùng mua được sản phẩm cần thiết, giá hợp lý... Thời điểm trước Tết, số lượng đơn hàng của các sàn thương mại điện tử tăng trưởng khoảng 30% - 50% so với cùng kỳ năm trước, tập trung nhiều đối với các nhóm hàng mứt, hoa quả sấy khô, kẹo, bánh, nước giải khát.

Đối với các điểm tổ chức chợ Hoa Xuân: Tại các chợ hoa Xuân, các mặt hàng hoa Tết được bày bán phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại phục vụ nhu cầu người dân, trong đó nhiều nhất là hoa đào, hoa lan và quất cảnh. Các loại hoa phục vụ nhu cầu mua sắm Tết đa dạng về chủng loại, số lượng nhiều từ các loại hoa thông thường trong nước đến các loại hoa nhập khẩu. Lượng khách đến thăm quan mua đông tập trung vào 02 ngày đầu nghỉ Tết (ngày 14 và 15/02/2026). Giá cả nhìn chung tương đương so với cùng kỳ năm trước. Từ chiều ngày 14/02/2026 (tức ngày 27 tháng Chạp năm Ất Ty) giá các loại đào, quất đã giảm khoảng 20%- 30%, giá các loại hoa mai, lan đã giảm 50% so với hôm trước. Đến trước 20h00 ngày 16/02/2026 (tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty) các điểm tổ chức chợ hoa Tết đóng cửa, dừng hoạt động, thu dọn vệ sinh đảm bảo mỹ quan đô thị, chuẩn bị sẵn sàng đón giao thừa.

Tình hình cung ứng xăng dầu, công tác truyền tải điện: Đảm bảo cung cấp đầy đủ cho thị trường Hà Nội; 100% các đơn vị kinh doanh điện triển khai phương án đảm bảo điện an toàn, củng cố cơ sở vật chất lưới điện, làm tốt công tác dự phòng, duy trì cấp điện an toàn, liên tục, ổn định trên địa bàn trong suốt dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026. Công tác đảm bảo an toàn, phòng, chống cháy nổ tại các doanh nghiệp được nghiêm túc thực hiện, không xảy ra sự cố cháy nổ, mất an toàn hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

5.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Hai ước tính đạt 1.659 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng trước và tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 871 triệu USD, giảm 0,8% và tăng 6,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 788 triệu USD, giảm 0,6% và tăng 23,4%. Trong tháng, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ như: Máy móc thiết bị phụ tùng 258 triệu USD, tăng 21,4%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 245 triệu USD, tăng 16,7%; hàng may, dệt 185 triệu USD, tăng 30,5%; hàng nông sản 140 triệu USD, tăng 36,6%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 75 triệu USD, tăng 28,6%; hàng hóa khác 439 triệu USD, tăng 12,9%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Phương tiện vận tải và phụ tùng 166

triệu USD, giảm 22,4%; xăng dầu 48 triệu USD, giảm 7,4%; hàng gồm sù 15 triệu USD, giảm 0,7%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 3.329 triệu USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.749 triệu USD, tăng 6,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.580 tỷ USD, tăng 31,9%.

Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ như:

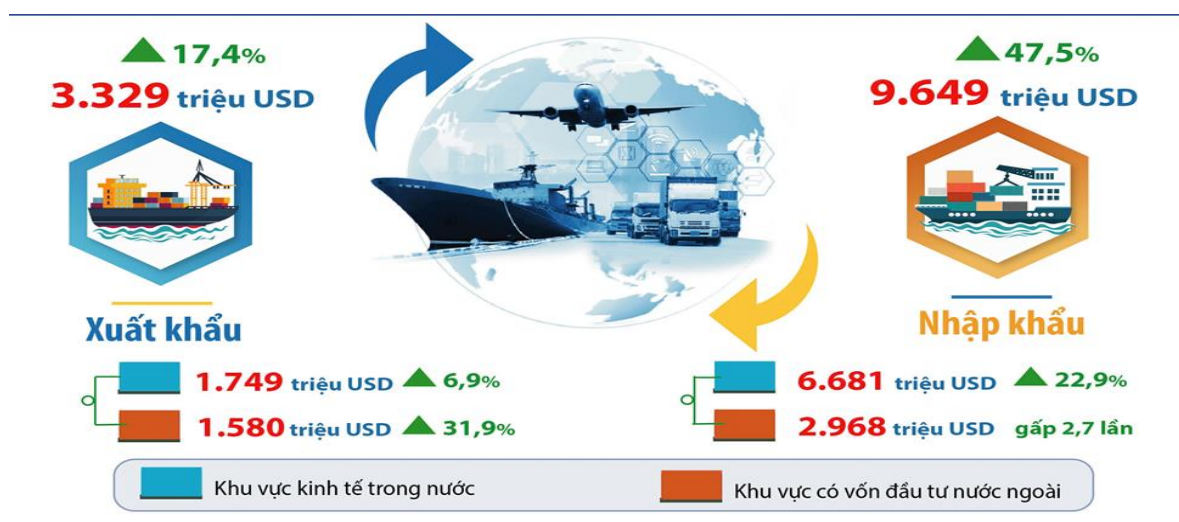
- Máy móc thiết bị phụ tùng 522 triệu USD, tăng 28,4%;
- Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 510 triệu USD, tăng 34,3%;
- Hàng may, dệt 385 triệu USD, tăng 14,4%;
- Hàng nông sản 284 triệu USD, tăng 32,4%;
- Gỗ và sản phẩm từ gỗ 151 triệu USD, tăng 16,9%;
- Giày dép và các sản phẩm từ da 81 triệu USD, tăng 22,5%;
- Hàng hóa khác 883 triệu USD, tăng 16,2%.

Bên cạnh đó có 2/12 nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ:

- Phương tiện vận tải và phụ tùng 336 triệu USD, giảm 4,4%;
- Xăng dầu 48 triệu USD, giảm 47,4%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 02 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Hai ước tính đạt 4.636 triệu USD, giảm 7,5% so với tháng trước và tăng 37,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 2.436 triệu USD, giảm 42,6% và giảm 11,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 2.200 triệu USD, gấp 2,9 lần tháng trước và gấp 3,5 lần cùng kỳ năm trước. Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng

so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 867 triệu USD, tăng 48,4%; phương tiện vận tải và phụ tùng 465 triệu USD, tăng 74,7%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 354 triệu USD, tăng 70,9%; xăng dầu 325 triệu USD, tăng 4,7%; sắt thép 225 triệu USD, tăng 2,3%; kim loại khác 181 triệu USD, tăng 6,3%; sản phẩm chất dẻo 85 triệu USD, tăng 40,2%; sản phẩm hóa chất 85 triệu USD, tăng 37,0%; vải 84 triệu USD, tăng 19,7%; hàng hóa khác 1.678 triệu USD, tăng 50,8%. Bên cạnh đó, có 3/14 nhóm hàng kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Chất dẻo 112 triệu USD, giảm 22,0%; thức ăn gia súc 55 triệu USD, giảm 22,0%; hàng điện gia dụng và linh kiện 52 triệu USD, giảm 30,0%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 9,6 tỷ USD, tăng 47,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 6,7 tỷ USD, tăng 22,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 2,9 tỷ USD, gấp 2,7 lần cùng kỳ.

Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ:

- Máy móc thiết bị, phụ tùng 1.740 triệu USD, tăng 48,2%;
- Phương tiện vận tải và phụ tùng 1.056 triệu USD, gấp 2,3 lần cùng kỳ;
- Xăng dầu 794 triệu USD, tăng 16,1%;
- Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 711 triệu USD, tăng 76,4%;
- Sắt thép 473 triệu USD, tăng 32,1%;
- Kim loại khác 353 triệu USD, tăng 17,6%;
- Chất dẻo 248 triệu USD, tăng 1,6%;
- Vải 178 triệu USD, tăng 21,8%;
- Sản phẩm chất dẻo 177 triệu USD, tăng 39,9%;
- Hàng hóa khác 3.340 triệu USD, tăng 52,0%.

Riêng nhóm hàng thức ăn gia súc kim ngạch nhập khẩu 120 triệu USD, giảm 5,2%.

5.3. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Tháng Hai là thời điểm Tết Nguyên đán nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân tăng cao. Sau Tết, người lao động quay trở lại Thành phố tiếp tục công việc; học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng quay trở lại trường học; người dân đi tham quan du Xuân, Lễ hội nhiều nên lượng phương tiện giao thông tăng đáng kể. Thời gian này, công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được Thành phố đặc biệt quan tâm. Hà Nội sẵn sàng các phương án phục vụ tốt nhất nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân trước, trong và sau dịp Tết.

Cùng với chất lượng phục vụ được quan tâm, ứng dụng hiện đại công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ chất lượng tốt được đẩy mạnh, hoạt động vận tải trong tháng 02/2026 đã đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa. Tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, và bưu chính chuyển phát tháng Hai ước đạt 25,3 nghìn tỷ đồng tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng doanh thu ước đạt 49,9 nghìn tỷ đồng tăng 22,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

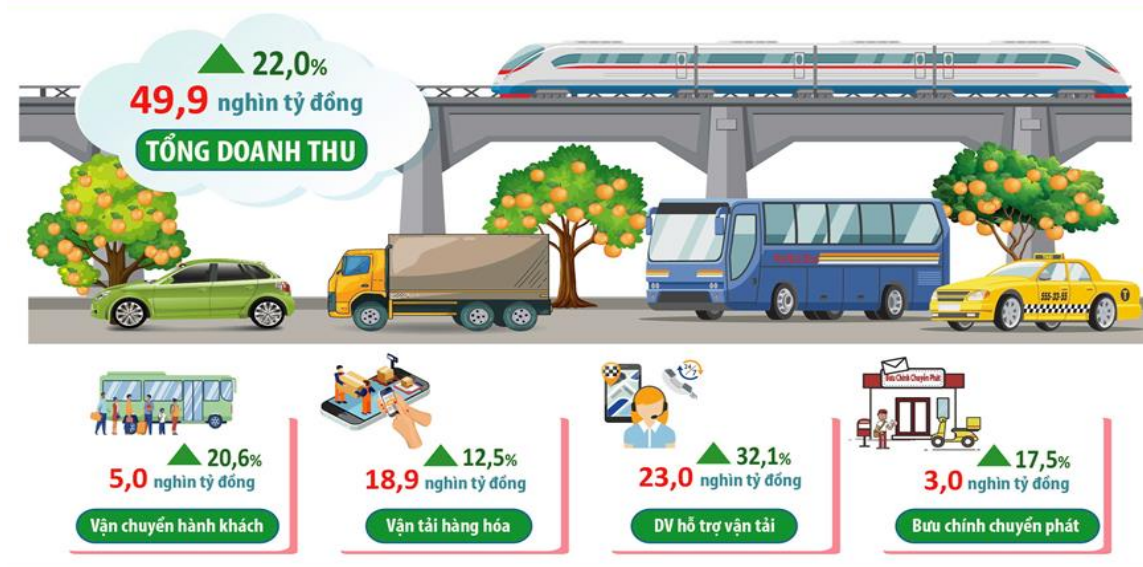
Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Hai ước đạt 53 triệu lượt người, tăng 8,5% so với tháng trước và tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1,5 tỷ lượt người.km, tăng 8,0% và tăng 25,7%; doanh thu ước tính đạt 2,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8% và tăng 21,6%. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, số lượt hành khách vận chuyển đạt 101,8 triệu lượt người, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước (đường bộ tăng 25,8%; đường thủy nội địa tăng 3,4%; đường sắt tăng 72,4%); số lượt hành khách luân chuyển đạt 2,9 tỷ lượt người.km, tăng 22,8% (đường bộ tăng 22,6%; đường thủy nội địa tăng 5,1%; đường sắt tăng 67,1%); doanh thu đạt 5 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% (đường bộ tăng 20,6%; đường thủy nội địa tăng 5,1%; đường sắt tăng 65,0%).

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Hai ước tính đạt 169,4 triệu tấn, tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 16,6 tỷ tấn.km, tăng 4,0% và tăng 16,3%; doanh thu ước tính đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% và tăng 15,0%. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 331,5 triệu tấn, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước (đường bộ tăng 11,4%; đường biển tăng 17,8%; đường thủy nội địa tăng 10,8%; đường sắt tăng 16,1%); khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 32,6 tỷ tấn.km, tăng 13,6% (đường bộ tăng 11,4%; đường biển tăng 14,6%; đường thủy nội địa tăng 12,2%; đường sắt tăng 15,9%); doanh thu đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% (đường bộ tăng 11,7%; đường biển tăng 13,8%; đường thủy nội địa tăng 12,9%; đường sắt tăng 16,0%).

Doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải: Tháng Hai ước tính đạt 11,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 32,5% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, doanh thu ước đạt 23 nghìn tỷ đồng, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Hai ước tính đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, doanh thu ước đạt 3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2025.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát
02 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



5.4. Hoạt động du lịch

Kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm nay kéo dài 9 ngày từ ngày 14/2 đến 22/02/2026 (tức từ 27 tháng Chạp năm Ất Ty đến mùng 6 tháng Giêng năm Bính Ngọ) đã tạo điều kiện cho người dân đi tham quan, du lịch. Ngay trong những ngày đầu năm mới Bính Ngọ, nhiều điểm du lịch Thủ đô đã đông du khách đến vui chơi, trải nghiệm với nhiều chương trình, sản phẩm du lịch mới như Chương trình “Du lịch Hà Nội chào năm 2026 - Get on Hanoi 2026” diễn ra từ ngày 30/01/2026 - 01/02/2026 tại Không gian văn hóa sáng tạo Tây Hồ mở đầu cho năm du lịch mới của Thủ đô với thông điệp phát triển xanh, bền vững, giàu bản sắc và trải nghiệm; Chương trình Happy Tết 2026 từ ngày 06/02-10/02/2026 tại Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long thu hút hơn 10 nghìn lượt khách tham quan với gần 30 hoạt động trải nghiệm, doanh thu ước tính đạt trên 10 tỷ đồng; Tham gia gian hàng tại Phân khu “Tinh hoa Văn hóa Việt Nam” Hội chợ Mùa Xuân lần thứ nhất - năm 2026 từ ngày 02/2-13/02/2026, trưng bày và giới thiệu sản phẩm thủ công truyền thống, Tổ chức không gian thưởng thức trà sen và cốm, tạo điểm nhấn trải nghiệm; tái hiện nét sinh hoạt văn hóa của người Hà Nội; quảng bá du lịch Hà Nội trên màn hình LED tại gian hàng trong suốt thời gian diễn ra Hội chợ, giới thiệu hình ảnh điểm đến, sản phẩm và dịch vụ du lịch đặc trưng của Thủ đô tới người dân và du khách, thu hút trên 20 nghìn lượt khách tham quan gian hàng.

Theo báo cáo của Sở Du lịch Hà Nội, trong 9 ngày Tết Nguyên đán Bính Ngọ (từ ngày 14/02 - 22/02/2026, tức ngày 27/12/2025 - 06/01/2026 Âm lịch), du lịch Hà Nội đón khoảng 1,34 triệu lượt khách, tăng 36,3% so với cùng kỳ

năm 2025, trong đó đón khoảng 217,0 nghìn lượt khách du lịch quốc tế, tăng 55,0%. Trong dịp này 10 thị trường khách quốc tế hàng đầu đến Hà Nội lần lượt bao gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Pháp, Anh, Mỹ, Đài Loan, Đức, Philippine, Úc. Bên cạnh việc thu hút du khách quốc tế, du lịch Hà Nội đã đón 1,13 triệu lượt khách du lịch nội địa, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm 2025. Theo số liệu cung cấp từ các điểm đến di tích, bảo tàng, công viên, khu sinh thái, nghỉ dưỡng du lịch trên địa bàn, Di tích Văn Miếu Quốc Tử Giám đón 119,6 nghìn lượt khách, Di tích Nhà tù Hỏa Lò đón 24,7 nghìn lượt khách, Khu du lịch Chùa Hương đón 76,6 nghìn lượt khách, Vườn thú Hà Nội đón 29,4 nghìn lượt khách, Di tích Cổ Loa đón 38,8 nghìn lượt khách, Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long đón 49,2 nghìn lượt khách. Lượng khách du lịch tăng cao nên công suất sử dụng phòng bình quân khối khách sạn, căn hộ du lịch đạt khoảng 66,8%, phân khúc khách sạn 4-5 sao công suất phòng bình quân ước đạt khoảng trên 72,0%, đóng góp vào tổng thu từ khách du lịch trong 9 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ đạt 4,87 nghìn tỷ đồng, tăng 40,2% so với cùng kỳ năm 2025.

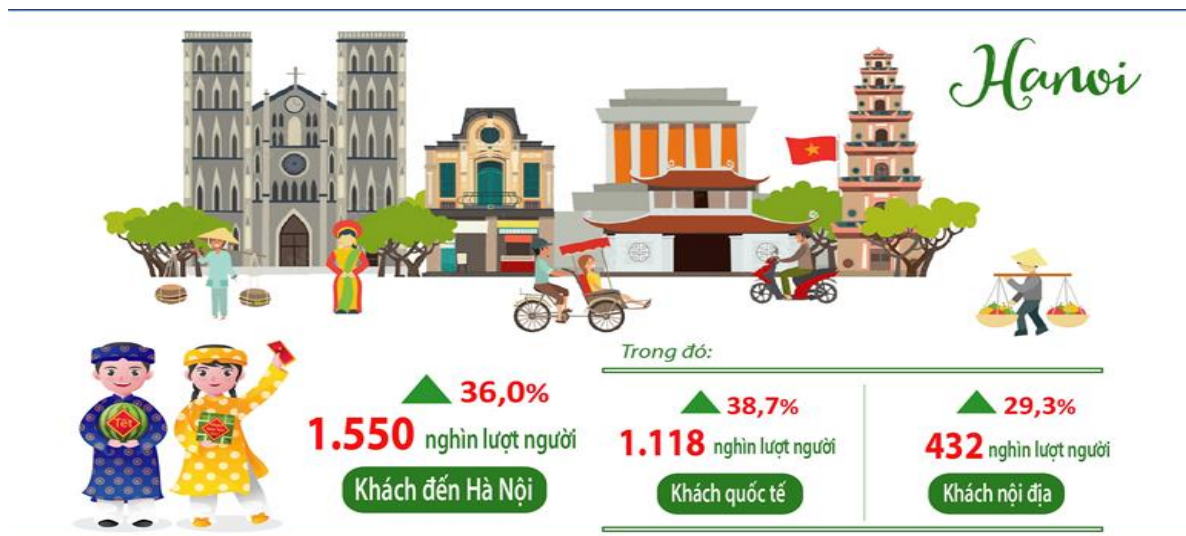
Theo số liệu do cơ sở lưu trú trên địa bàn Thành phố, trong tháng 02/2026 tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 702,0 nghìn lượt người, giảm 17,3% so với tháng trước (do số ngày trong tháng Hai ít hơn tháng Một và hiệu ứng kết thúc kỳ nghỉ Tết) và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, khách du lịch đến Hà Nội⁴ đạt hơn 1,5 triệu lượt người, tăng 36,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Hai ước đạt 483,0 nghìn lượt người, giảm 23,8% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, khách quốc tế đạt 1,1 triệu lượt người, tăng 38,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 127,2 nghìn lượt người, tăng 64%; Hàn Quốc 115,0 nghìn lượt người, tăng 24%; Mỹ 66 nghìn lượt người, tăng 1,0%; Anh 59,5 nghìn lượt người, tăng 26,4%; Úc 54,5 nghìn lượt người, tăng 25,4%; Pháp 51,3 nghìn lượt người, tăng 30,4%; Nhật Bản 47,8 nghìn lượt người, tăng 13,1%; Đài Loan 46,0 nghìn lượt người, tăng 24,0%; Đức 39,0 nghìn lượt người, tăng 17,6%; Canada 27,5 nghìn lượt người, tăng 38,7%; Malaysia đạt 24,3 nghìn lượt người, tăng 3,8%; Thái Lan 18,7 nghìn lượt người, tăng 50,2%; Singapore 16,6 nghìn lượt người, tăng 29,2%.

Khách nội địa tháng Hai ước đạt 219,0 nghìn lượt người, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, khách nội địa đến Hà Nội đạt 432,0 nghìn lượt người, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước.

⁴ Khách du lịch đến Hà Nội gồm khách quốc tế và khách nội địa chỉ tính khách do cơ sở lưu trú phục vụ.

**Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ
02 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)**



Về hoạt động lễ hành và hướng dẫn viên: Tháng 02/2026 trên địa bàn Hà Nội có 1.954 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành quốc tế; 532 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa; 32 doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch, 07 văn phòng đại diện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành nước ngoài; 7.019 hướng dẫn viên du lịch quốc tế; 2.588 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 158 hướng dẫn viên tại điểm du lịch đang hoạt động.

Tình hình hoạt động của cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ khách du lịch: Tháng 02/2026, trên địa bàn Thành phố có 61 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó 27 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 23 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 09 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí và 02 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hệ thống các cơ sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút lượng lớn du khách và người dân đến thăm quan và mua sắm. Hiện tại, trên địa bàn Thành phố có 3.761 cơ sở lưu trú du lịch với 71,3 nghìn phòng, trong đó 65 khách sạn, khu căn hộ được xếp hạng từ 1 đến 5 sao⁵ với gần 10 nghìn phòng. Trong tháng Hai, công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn ước đạt 63,6% tăng 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2025.

6. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

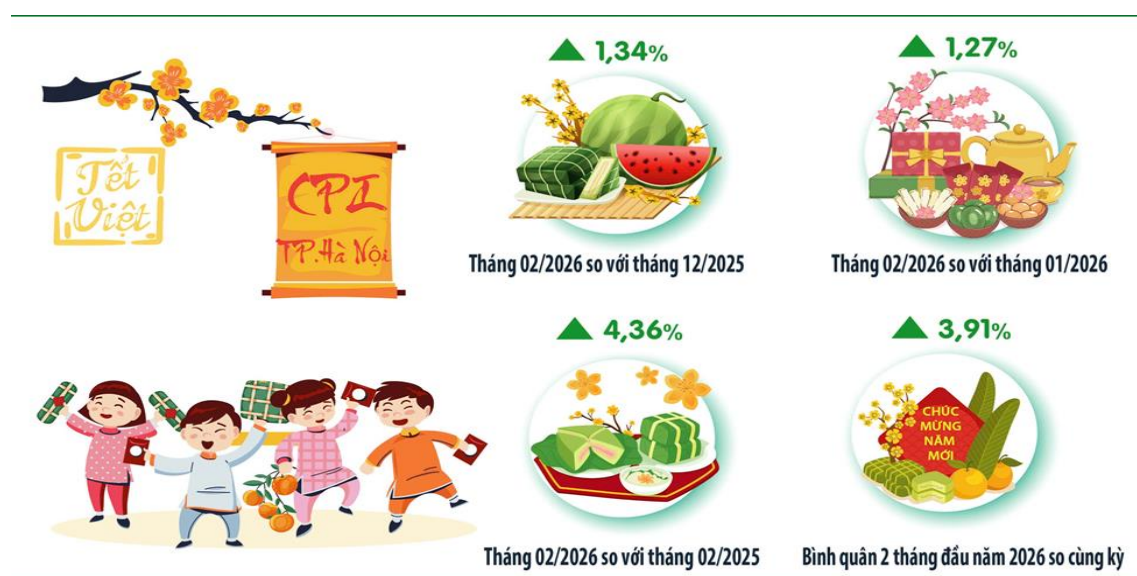
Trong tháng 02/2026, tháng Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, thị trường trên địa bàn Hà Nội cơ bản duy trì trạng thái ổn định. Nguồn cung hàng hóa thiết yếu tiếp tục được bảo đảm nhờ lượng dự trữ từ trước Tết và hoạt động sản xuất, kinh doanh sớm trở lại bình thường của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Sau Tết,

⁵ Cụ thể: Có 28 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 5 sao; 16 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 8 khách sạn 3 sao; 10 khách sạn 2 sao và 3 khách sạn 1 sao. Số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.676 cơ sở lưu trú với 61,3 nghìn phòng.

nhu cầu tiêu dùng của người dân có xu hướng giảm nhẹ so với thời điểm giáp Tết nhưng vẫn ở mức khá, chủ yếu tập trung vào nhóm thực phẩm tươi sống, rau củ quả, đồ uống và các dịch vụ du Xuân, Lễ hội đầu năm. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và chợ truyền thống hoạt động ổn định, hàng hóa phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm. Cũng trong tháng, Thành phố tiếp tục triển khai các chương trình bình ổn thị trường, kết nối cung - cầu, đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp theo dõi sát diễn biến cung - cầu và giá cả. Lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh sau Tết, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm như đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2026 tăng 1,27% so với tháng trước, tăng 1,34% so với tháng 12/2025 và tăng 4,36% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 2 tháng đầu năm nay tăng 3,91% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

CPI tháng Hai và bình quân 02 tháng đầu năm 2026



Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tháng 02/2026, chỉ số giá tăng 2,48% so với tháng trước (tác động làm tăng CPI chung 0,78%) do thời điểm Tết Nguyên đán nhu cầu sử dụng các mặt hàng thiết yếu của người dân tăng cao. Trong đó: Lương thực tăng 0,80% (gạo tẻ ngon tăng 1,87%, gạo nếp tăng 2,83%); thực phẩm tăng 2,97% (thịt lợn tăng 7,43%; thịt bò tăng 3,99%; thịt gà tăng 4,24%; giò, chả tăng 5,02%; tôm tươi tăng 8,51%; chuối tăng 18,95%); ăn uống ngoài gia đình tăng 1,86%. So với tháng 12/2025, chỉ số giá nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 2,39%, trong đó lương thực tăng 0,92%, thực phẩm tăng 2,73%, ăn uống ngoài gia đình tăng 2,06%. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, CPI nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 5,07% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm 2025 (tác động làm tăng CPI chung 1,60%), cụ thể: Giá lương thực tăng 1,58% (giá gạo tăng 0,47%); giá thực phẩm tăng 5,58%

(thịt gia súc tăng 9,15%; thịt chế biến tăng 5,91%; thủy hải sản tươi sống tăng 6,05%) và giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 5,04%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tháng 02/2026, chỉ số giá tăng 1,10% so với tháng trước (trong đó rượu tăng 2,02%; bia tăng 1,19%; thuốc lá tăng 0,45%); tăng 1,43% so với tháng 12/2025. Bình quân 02 tháng đầu năm nay, chỉ số giá tăng 1,94% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,02%).

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Chỉ số giá tháng 02/2026 tăng 0,55% so với tháng trước (trong đó vải các loại tăng 0,45%; quần áo may sẵn tăng 0,62%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,97%); tăng 0,82% so với tháng 12/2025. Bình quân 02 tháng đầu năm nay chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,86% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,07%).

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng: Tháng 02/2026 0,53% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,13% do vào thời điểm cuối năm, nhu cầu sửa chữa, cải tạo nhà ở của người dân tăng cao nhằm chỉnh trang, làm mới không gian sống để đón Tết Nguyên đán, trong khi đó nguồn nhân công trong lĩnh vực xây dựng, sửa chữa có xu hướng giảm do một bộ phận lao động về quê sớm hoặc nhận công trình dài ngày đã làm giá dịch vụ sửa chữa nhà ở nhích lên so với các tháng trong năm, cụ thể: Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 2,79%; giá điện sinh hoạt tăng 1,44%; vật liệu xây dựng tăng 0,79%; nhà ở cho thuê tăng 0,28%; giá gas đun trong tháng tăng 0,36%; giá dầu hỏa tăng 4,29%. So với tháng 12 năm trước, CPI nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,52%. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, CPI nhóm này tăng 7,92% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm 2025 (tác động làm tăng CPI chung 1,99%) do giá nhà ở cho thuê tăng 12,21%; giá vật liệu xây dựng tăng 18,76%.

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tháng 02/2026 tăng 1,23% so với tháng trước (trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 9,93%; đồ dùng nấu ăn tăng 1,43%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,32%, các mặt hàng đồ điện tăng 0,19%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,89%). So với tháng 12 năm trước, CPI tăng 1,48%. Bình quân 02 tháng năm nay, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,17% so với bình quân 02 tháng năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,10%). Nguyên nhân do dịp cuối năm nhu cầu dọn dẹp nhà cửa tăng cao nhưng nguồn cung lao động lại thiếu hụt do nhóm lao động làm giúp việc, lao động thời vụ về quê ăn Tết sớm hoặc nghỉ dài ngày sau Tết đã đẩy giá thuê dịch vụ dọn dẹp theo giờ hoặc trọn gói tăng cao, tại một số nơi khu vực nội thành giá thuê giúp việc theo giờ tăng 20% - 40% so thời điểm với bình thường.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tháng 02/2026 tăng nhẹ 0,04% so với tháng trước và tăng 0,13% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 02 tháng đầu năm nay, CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,12% so với bình quân 02 tháng đầu năm 2025.

Nhóm giao thông: Tháng 02/2026, chỉ số giá tăng 1,12% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,11%, do trong tháng giá xăng, dầu điều chỉnh 4 lần vào các ngày 5, 12, 20 và 26/02/2026 làm giá xăng trong tháng tăng 1,85%, giá dầu diesel tăng 6,34%). Tuy nhiên, so với cùng kỳ tháng 02/2025 CPI nhóm giao thông giảm 1,36% và giảm 0,73% so với tháng 12/2025. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân giảm 1,60% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm trước (tác động làm giảm CPI chung 0,15%) chủ yếu do trong tháng giá xăng giảm 9,31%, giá dầu diesel giảm 7,13%.

Nhóm thông tin và truyền thông: Tháng 02/2026, chỉ số giá tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước, trong đó: Dịch vụ viễn thông tăng 0,16%; sửa chữa điện thoại tăng 0,09%. So với tháng 12/2025, CPI nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,73%. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, CPI giảm 0,33% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm trước (tác động làm giảm CPI chung 0,01%).

Nhóm giáo dục: Tháng 02/2026, nhìn chung các mặt hàng trong nhóm ổn định nên chỉ số giá tăng nhẹ 0,19% so với tháng trước; tăng 0,20% so với tháng 12/2025; bình quân 02 tháng năm 2026 tăng 4,51% so với bình quân 02 tháng năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,37%).

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tháng Hai chỉ số giá tăng 2,14% so với tháng trước do giá hoa tươi và cây cảnh tăng cao trong dịp Tết (tăng 13,2%); thời gian này người dân đi du Xuân, tham quan, nghỉ dưỡng tăng cao khiến giá nhóm du lịch trọn gói tăng 0,67%. So với tháng 12/2025, CPI nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,21%. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,75% so với bình quân 02 tháng năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,17%) trong đó các mặt hàng sách báo, tạp chí tăng 5,94%; du lịch trọn gói tăng 6,85%.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá tháng 02/2026 tăng 1,06% so với tháng trước (tác động làm tăng CPI chung 0,04%) do giá đồ trang sức tăng 7,07%, giá dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 2,87%). So với tháng 12 năm trước, CPI nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,22%. Bình quân 02 tháng đầu năm nay, chỉ số giá tăng 2,60% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm trước (tác động làm tăng CPI chung 0,10%) chủ yếu do giá đồ trang sức tăng 81,91%, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 2,07%.

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng 02 tháng năm 2022 - 2026
(So với bình quân năm trước)

Đơn vị tính: %

	02T/2022	02T/2023	02T/2024	02T/2025	02T/2026
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	102,39	102,75	105,00	102,77	103,91
<i>Trong đó:</i>					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,85	105,17	102,92	102,57	105,07
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	104,76	102,14	105,24	106,47	107,92
Thuốc và dịch vụ y tế	100,30	100,43	100,28	119,89	100,12
Giao thông	113,95	101,33	101,54	98,66	98,40
Giáo dục	96,60	97,32	138,33	92,32	104,51
Văn hóa, giải trí và du lịch	99,92	108,58	97,62	103,66	103,75
Hàng hóa và dịch vụ khác	100,96	102,87	107,38	105,39	102,60
Chỉ số giá vàng	96,88	101,81	118,24	137,00	189,81
Chỉ số giá đô la Mỹ	98,80	103,66	103,74	103,79	102,95

Chỉ số giá vàng tháng 02/2026 tăng 10,84% so với tháng trước, tăng 15,66% so với tháng 12/2025. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 89,81% so với bình quân 02 tháng cùng kỳ năm 2025.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2026 giảm 0,83% so với tháng trước, giảm 0,92% so với tháng 12/2025. Bình quân 02 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá USD tăng 2,95% so với bình quân 02 tháng năm 2025.

7. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

7.1. Thu, chi ngân sách⁶

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 02 tháng đầu năm 2026 ước thực hiện 190,6 nghìn tỷ đồng, đạt 29,3% so với dự toán pháp lệnh năm và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Thu nội địa 184,8 nghìn tỷ đồng, đạt 30,3% và tăng 8,8%; thu từ dầu thô 828 tỷ đồng, đạt 23,7% dự toán; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 5.011 tỷ đồng, đạt 13,7% và tăng 21,8%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa 02 tháng đầu năm 2026: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 21,3 nghìn tỷ đồng, đạt 25,6% dự toán và tăng 7,2% so cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 10,3 nghìn tỷ đồng, đạt 24,5% và tăng 27,6%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 52,1 nghìn tỷ đồng, đạt 36,6% và tăng 33,4%; thuế thu nhập cá nhân 12,3 nghìn tỷ đồng, đạt 17,7% và tăng 4,4%; thu tiền sử dụng đất 26,6 nghìn tỷ đồng, đạt 32,1% và tăng 22,6%; thu phí và lệ phí 4.625 tỷ đồng, đạt 15,4% và tăng 70,7%; thu lệ phí trước bạ 1.362 tỷ đồng, đạt 13,3% và tăng 38,4%.

⁶ Theo báo cáo ngày 24/02/2026 của Sở Tài chính

Chi ngân sách địa phương 02 tháng đầu năm 2026 ước thực hiện 23,1 nghìn tỷ đồng, đạt 9,8% dự toán năm Thành phố giao và tăng 66,8% so cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển 8.671 tỷ đồng, đạt 6,9% dự toán và gấp 3,2 lần cùng kỳ; chi thường xuyên 14,3 nghìn tỷ đồng, đạt 17,8% và tăng 28,8%.

**Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương
02 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)**



7.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Tại các ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn, lãi suất tiền gửi có xu hướng điều chỉnh giảm nhẹ. Trong tháng 02/2026 lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân của các NHTM trong nước phổ biến ở mức 0,1 - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 2,1 – 4,75%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 4,5 – 7,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; 5,1 – 7,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay ở mức 6,6 – 9,0%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 4,0%/năm thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN.

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng và chấp hành các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn. Ước đến cuối tháng 02/2026, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố đạt 7.161 nghìn tỷ đồng, tăng 0,55% so với cuối tháng trước và tăng 1,13% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong

đó tiền gửi đạt 6.349 nghìn tỷ đồng⁷, tăng 0,60% và tăng 1,23%; phát hành giấy tờ có giá đạt 812 nghìn tỷ đồng, tăng 0,15% và tăng 0,35%.

Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, người dân để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững. Ước đến cuối tháng 02/2026, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 5.871 nghìn tỷ đồng, tăng 0,80% so với cuối tháng trước và tăng 1,66% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.317 nghìn tỷ đồng, tăng 0,90% và tăng 1,75%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 3.554 nghìn tỷ đồng, tăng 0,74% và tăng 1,60%. Tính đến cuối tháng 02/2026, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,51% trong tổng dư nợ.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng 02/2026

(So với thời điểm cuối năm 2025)



Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố với 05 lĩnh vực ưu tiên như sau: Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 20,55%; chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 9,91%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,08%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,45%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,40%.

7.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 25/02/2026, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.147 doanh nghiệp được phép giao dịch, giảm 07 doanh nghiệp so với cuối tháng trước và

⁷ Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.851 nghìn tỷ đồng, tăng 0,77% so với cuối tháng trước và tăng 1,30% so với thời điểm kết thúc năm 2025; tiền gửi có kỳ hạn (tiêu thức mới theo quy định của NHTW) đạt 3.087 nghìn tỷ đồng, tăng 0,32% và tăng 0,62%; tiền gửi thanh toán đạt 1.411 nghìn tỷ đồng, tăng 1,00% và tăng 2,51%.

giảm 52 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX có 302 doanh nghiệp và Upcom có 845 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 650,0 nghìn tỷ đồng, tăng 0,63% so với cuối tháng trước và tăng 1,59% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX đạt 182,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,19% và tăng 9,52%; Upcom đạt 467,9 nghìn tỷ đồng, tăng 0,80% và giảm 1,19%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 25/02/2026 đạt 4.960,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,21% so với cuối tháng trước và tăng 4,70% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 467,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,73% và tăng 21,79%; Upcom đạt 1.493 nghìn tỷ đồng, tăng 0,05% và tăng 0,29%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 25/02/2026, khối lượng trung bình 01 ngày/tháng đạt 75,2 triệu CP được chuyển nhượng, giảm 23,7% so với trung bình 01 ngày/tháng trước và tăng 14,9% so với trung bình 01 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch trung bình 01 ngày/tháng đạt 1,75 nghìn tỷ đồng, giảm 21,1% và tăng 64,9%. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định kỳ và liên tục) trung bình 01 ngày/tháng đạt 69,8 triệu CP, giảm 23,3% và tăng 16,4%; giá trị trung bình 01 ngày/tháng đạt 1,65 nghìn tỷ đồng, giảm 20,6% và tăng 68,5%. Tính đến hết 25/02/2026, Tính đến hết giao dịch ngày 25/2/2026, khối lượng giao dịch chung 02 tháng đạt 2,9 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 67,2 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Một, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 368 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 18 mã giao dịch; cá nhân 350 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 01/2026 đạt 244,7 nghìn tài khoản.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Bảo đảm an sinh xã hội

Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, các cơ quan, địa phương, lực lượng chức năng đã triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thành phố, quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; đảm bảo người dân đón Tết trong không khí vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, nghĩa tình; mọi người, mọi nhà đều được vui xuân, đón Tết. Với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, Thành phố đã trao tặng trên 2.734 triệu suất quà Tết, cho các đối tượng chính sách ưu đãi người có công; người nghèo; các đối tượng bảo trợ xã hội; người cao tuổi; cán bộ nghỉ hưu, mất sức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn; các tổ chức, gia đình, cá nhân tiêu biểu; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các đối tượng khó khăn khác với tổng số tiền gần 1.354 tỷ

đồng; so với Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025, tổng kinh phí quà tặng tăng thêm 286,9 tỷ đồng, số quà tặng tăng hơn 462,9 nghìn suất.

Để góp phần đảm bảo an sinh xã hội, năm 2026 Thành phố tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng. Trong tháng, đã tiếp nhận và giải quyết 1.420 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng và các đối tượng liên quan; tính chung 02 tháng đầu năm 2026, Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 2.819 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi. Bên cạnh đó, Thành phố đã tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 đảm bảo đầy đủ, kịp thời và ý nghĩa với 296.970 suất quà cho các đối tượng hưởng chính sách người có công, tương đương 244,7 tỷ đồng (trong đó, tặng 113.891 suất quà của Chủ tịch nước với kinh phí 34,9 tỷ đồng; tặng 121.016 suất quà từ ngân sách Thành phố với kinh phí 185,2 tỷ đồng; tặng 5.762 suất quà từ ngân sách xã, phường với kinh phí 2,1 tỷ đồng và tặng 56.301 suất quà với kinh phí 22,5 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa).

Công tác bảo trợ xã hội được thực hiện tốt, trên địa bàn Thành phố hiện có 204 nghìn đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Các xã, phường đã chi trả trợ cấp đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch cho các đối tượng với tổng kinh phí chi trả 02 tháng đầu năm 2026 (trước dịp nghỉ Tết) cho 75.764 người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng với số tiền 490,1 tỷ đồng.

Từ 01/01/2026, Hà Nội thực hiện Nghị quyết 63/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố là 650 nghìn đồng/tháng; đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được Thành phố tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế quản lý áp dụng hệ số 2,5 đối với trẻ em dưới 04 tuổi và hệ số 4,0 với đối tượng từ 04 tuổi trở lên. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được hỗ trợ thêm hàng tháng 150.000 đồng (ngoài chính sách của Nhà nước) đảm bảo tổng mức hưởng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội và được hưởng quà Tết như các đối tượng bảo trợ xã hội theo chính sách của Thành phố.

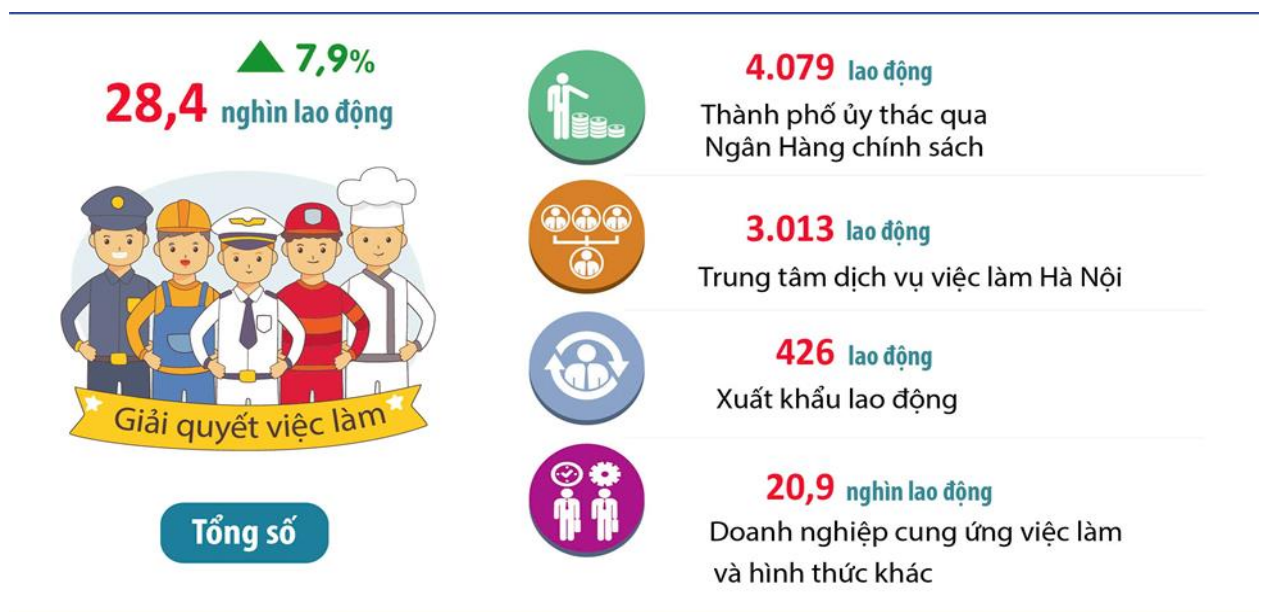
2. Giải quyết việc làm

Trong tháng Hai năm nay, Thành phố giải quyết việc làm cho 10,7 nghìn lao động, trong đó: Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách xã hội vay với tổng số tiền 234,0 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 2.730 lao động; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội đã tổ chức thành công 17 phiên giao dịch việc làm với 515 đơn vị, doanh nghiệp tham gia, kết quả có 1.565 người được tuyển dụng sau khi kết thúc phiên giao dịch; 209 lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 6.210

lao động nhận được việc từ dịch vụ cung ứng việc làm của các doanh nghiệp và qua các hình thức khác. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, Thành phố giải quyết việc làm cho 28,4 nghìn lao động, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: 4.079 lao động được tạo việc làm từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 350,3 tỷ đồng; 3.013 lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm; 426 lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 20,9 nghìn lao động nhận được việc từ dịch vụ cung ứng việc làm của các doanh nghiệp và qua các hình thức khác.

Cũng trong tháng 02/2026, Thành phố ra quyết định trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp cho 5.027 người với số tiền hỗ trợ 196,8 tỷ đồng, tăng 32,3% về số người và tăng 86,0% số tiền so với cùng kỳ năm 2025; hỗ trợ học nghề cho 95 người với số tiền 362,0 triệu đồng. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, Thành phố tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho 9,8 nghìn người với kinh phí hỗ trợ 385,0 tỷ đồng; tư vấn giới thiệu việc làm cho 7,7 nghìn người; hỗ trợ học nghề cho 152 người với số tiền 622,3 triệu đồng.

Giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội 02 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ năm 2025)

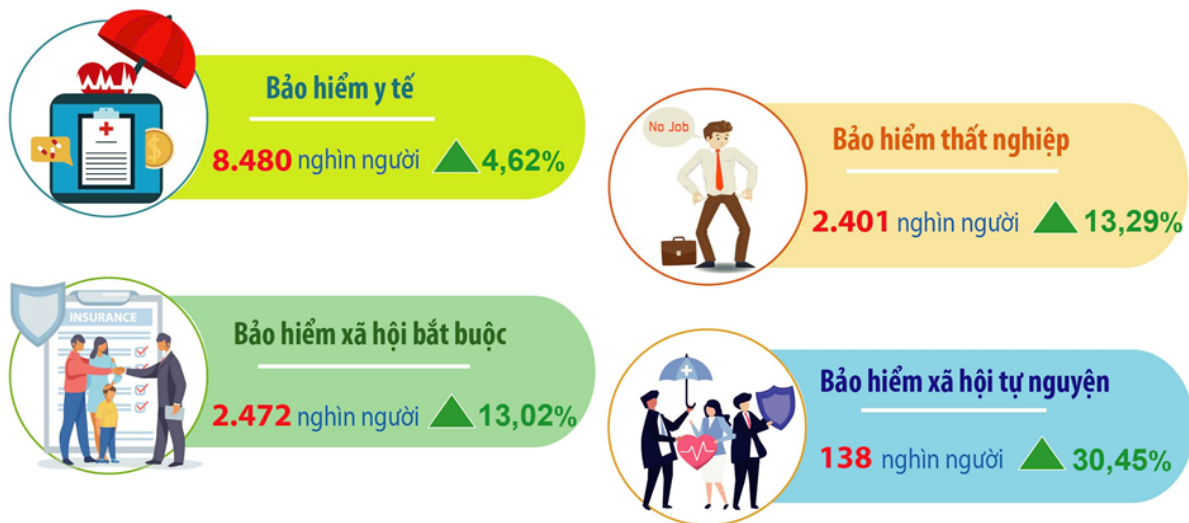


3. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội

Năm 2026, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,25% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc đạt 49,0% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 4,0%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 46,5% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng Hai trên địa bàn Thành phố tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 95,96% dân số⁸ với 8.480 nghìn người tham gia, tăng 4,62% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 0,16% so với thời điểm kết thúc năm 2025. Có 2.472 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc⁹, chiếm 48,01% lực lượng trong độ tuổi lao động, tăng 13,02% và tăng 2,90%. Hơn 138 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện¹⁰, chiếm 3,61% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 30,45% và tăng 2,84%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.401 nghìn người¹¹, chiếm 46,01%, tăng 13,29% và tăng 2,86%.

Số người tham gia Bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội
Tính đến cuối tháng Hai (so với thời điểm cuối năm 2025)



Tính đến hết tháng Hai, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 12,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,63% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng chi BHXH, BHYT, BHTN là 14,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,0%, trong đó: Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 8,4 nghìn tỷ đồng; chi khám chữa bệnh BHYT 4,4 nghìn tỷ đồng.

4. Tình hình dịch bệnh và an toàn thực phẩm

Trong tháng Hai, tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thành phố cơ bản vẫn đang được kiểm soát tốt. Thành phố duy trì đội đáp ứng nhanh và thường trực phòng chống dịch, bảo đảm sẵn sàng đáp ứng kịp thời các tình huống dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Các bệnh truyền nhiễm lây truyền qua đường hô hấp như cúm, thủy đậu, ho gà, sởi, rubella, vi rút adeno... được dự báo có thể có xu hướng gia tăng do thời tiết vào xuân, người dân tập trung đông người tại nhiều lễ hội, sự kiện hoạt động dịp Tết.

⁸ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và các trường hợp tham gia BHYT dưới 3 tháng, đang bảo lưu.

⁹ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và người đang bảo lưu.

¹⁰ Chưa bao gồm số người tham gia BHXH tự nguyện đang bảo lưu.

¹¹ Chưa bao gồm số người đang bảo lưu.

Theo số liệu của Sở Y tế Hà Nội, trong tháng Hai, tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thành phố cơ bản được kiểm soát tốt, cụ thể như sau: Bệnh Tay chân miệng trong tháng ghi nhận 453 ca mắc; cộng dồn từ đầu năm 2026, ghi nhận 537 ca mắc, tăng 441 ca so với cùng kỳ năm 2025, tại 108 phường, xã; phát sinh 10 ổ dịch, trong đó 5 ổ đang hoạt động. Bệnh Sốt xuất huyết Dengue trong tháng ghi nhận 95 ca mắc, cộng dồn từ đầu năm 2026 ghi nhận 144 ca mắc, giảm 5 ca so với cùng kỳ 2025, chưa phát hiện ổ dịch. Bệnh Sởi trong tháng ghi nhận 54 ca mắc, cộng dồn từ đầu năm ghi nhận 62 ca mắc tại 44 phường, xã giảm 433 ca so với cùng kỳ năm trước.

Các dịch bệnh khác trong tháng không ghi nhận: Công dồn từ đầu năm, bệnh ho gà ghi nhận 5 ca mắc, giảm 2 ca so với cùng kỳ năm trước; bệnh uốn ván ghi nhận 5 ca mắc, tăng 4 ca; bệnh Não mô cầu ghi nhận 1 ca mắc, tăng 1 ca so với cùng kỳ. Các bệnh như thủy đậu, đại, liên cầu lợn, viêm não Nhật Bản... không ghi nhận ca mắc. Đến nay, Hà Nội chưa ghi nhận ca mắc đậu mùa khỉ, bệnh viêm gan cấp tính không rõ nguyên nhân ở trẻ.

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên Đán và mùa lễ hội Xuân 2026, các cơ quan chức năng của Thành phố đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, nhất là ở những nơi có khu du lịch, điểm di tích, tăng cường kiểm tra, giám sát, nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Trước nhu cầu tiêu dùng tăng cao dịp Lễ hội đầu năm, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả diễn biến phức tạp. Lực lượng chức năng thành phố Hà Nội tập trung tăng cường lực lượng kiểm tra, kiểm soát thị trường, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm sản xuất, tiêu thụ sản phẩm không đạt so với hồ sơ công bố; sản xuất, buôn bán hàng hóa có nhãn nhưng không ghi đầy đủ hoặc ghi không đúng nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn sản phẩm; quảng cáo thực phẩm không đúng với hồ sơ công bố; kinh doanh hàng hóa có hình ảnh, chữ viết không đúng với bản chất của sản phẩm.

5. Giáo dục và đào tạo

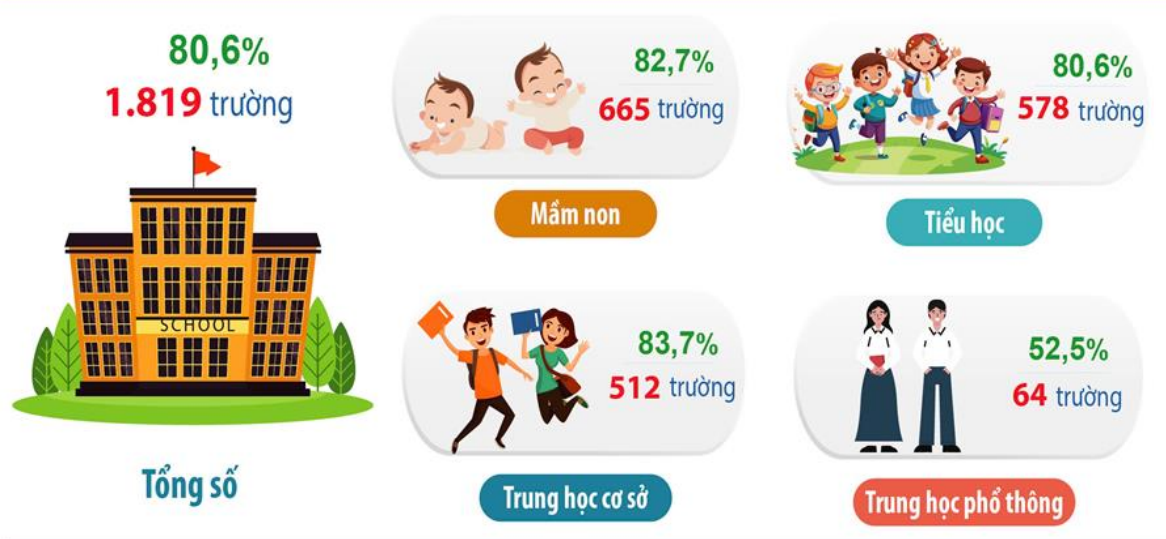
Kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ dài 9 ngày, các trường học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã duy trì lịch trực bảo vệ, công tác an ninh trật tự, an toàn phòng chống cháy, nổ được bảo đảm, không để xảy ra sự cố. Việc đón học sinh trở lại trường sau kỳ nghỉ được thực hiện chu đáo, ngay từ chiều ngày 22/02/2026 (mùng 6 Tết) cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học đã tới trường làm vệ sinh, chuẩn bị cơ sở vật chất, hệ thống điện, đèn chiếu sáng được đặc biệt quan tâm; các trường mầm non và phổ thông có tổ chức bữa ăn bán trú chú trọng rà soát các điều kiện bếp ăn và kiểm tra nguồn thực phẩm, sẵn sàng tổ chức bữa ăn an toàn, bảo đảm dinh dưỡng ngay trong ngày đầu tiên học sinh trở

lại trường học; nhanh chóng ổn định nền nếp dạy, học ngay trong những ngày đầu năm mới đồng thời quán triệt tới các trường tổ chức nhiều hoạt động tập thể để tạo điều kiện giúp học sinh quen dần giữa hai trạng thái nghỉ ngơi vui chơi với học hành căng thẳng.

Cũng trong tháng Hai, các trường tăng cường sự quản lý về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đảm bảo bữa ăn đối với những học sinh lứa tuổi mầm non và những học sinh nội trú, bán trú; tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của việc trồng cây, xây dựng không gian xanh trong và ngoài trường học; tổ chức hiệu quả phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”; tăng cường trồng cây xanh không chỉ vào dịp Tết; tổ chức nhiều hoạt động tích cực, thiết thực bảo vệ môi trường. Trong tháng, Thành phố cũng công bố kết quả điểm bài thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 9 năm học 2025-2026 và thông báo môn thi thứ ba Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên năm học 2026-2027 là môn Ngoại ngữ.

Tỷ lệ Trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố

Tính đến cuối tháng Hai năm 2026



Đến nay, trên địa bàn Thành phố có 2.954 Trường mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên các cấp; 70,5 nghìn lớp; 2.327 nghìn học sinh; 129,3 nghìn giáo viên. Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 80,6% với 1.819 trường (không tính các trường đặc thù có học sinh khuyết tật), trong đó: Mầm non đạt 82,7% với 665 trường; tiểu học đạt 80,6% với 578 trường; trung học cơ sở đạt 83,7% với 512 trường; trung học phổ thông đạt 52,5% với 64 trường. Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề trên địa bàn Hà Nội hiện có 352 cơ sở, trong đó: 68 trường cao đẳng, 85 trường trung cấp, 53 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề và 146 doanh nghiệp, loại hình khác.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa: Đầu xuân Bính Ngọ, trên địa bàn Thành phố đã diễn ra nhiều lễ hội lớn như Lễ hội Gò Đống Đa, Đền Hai Bà Trưng, Đền Sóc, Đền Cỗ Loa, Chùa Hương, Chùa Trăm Gian... Bên cạnh đó, các đơn vị nghệ thuật tổ chức biểu diễn Chào mừng kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại khu vực hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận, phục vụ đông đảo các tầng lớp Nhân dân và khách du lịch với hơn 10 cụm Hồng kỳ; 2.000 Quốc kỳ, Đảng kỳ; 806 cụm pano; 21,8 nghìn banner; 1.400 chiếc băng rôn dọc; 600 băng rôn dọc khung sắt; 86 buổi tuyên truyền lưu động, bố trí 64 màn hình LED trên các trục đường, tuyến phố chính, khu vực trung tâm Thành phố. Tính đến ngày 22/02/2026, trên hệ thống Thông tin cơ sở đã thực hiện 4.685 tin, bài tuyên truyền của Đài truyền thanh cấp xã, 1.219 tin, bài, video của Bảng tin công cộng, 676 tin, video/clip trên Bản tin thông tin cơ sở, 1.468 tài liệu không kinh doanh, 2.145 lượt tuyên truyền cơ sở, 3.583 tin, bài của tổng các cổng/trang thông tin điện tử của các xã, phường, 3.936 tin, bài tuyên truyền qua mạng xã hội, 174 tin nhắn qua ứng dụng Internet; trên các báo Trung ương và địa phương đã đăng khoảng hơn 200 tin, bài tuyên truyền, phản ánh về Tết Nguyên Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bên cạnh các hoạt động biểu diễn của các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp của Thành phố, các hoạt động nghệ thuật quần chúng được các phường, xã quan tâm chỉ đạo. 100% các phường, xã đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức được 172 buổi biểu diễn nghệ thuật quần chúng, thu hút gần 200 nghìn lượt khán giả tại các địa điểm công cộng, khu trung tâm, Nhà Văn hóa, sân vận động, gắn với biểu diễn văn nghệ tại các lễ hội truyền thống phục vụ Nhân dân địa phương an toàn, tiết kiệm, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân Thủ đô đón Xuân Bính Ngọ 2026.

Bảo tàng Hà Nội đã tổ chức ra mắt công chúng nội dung trưng bày thường xuyên với trên 7.000 tư liệu, tài liệu, hiện vật và trưng bày chuyên đề: “Long Mã khai văn; trưng bày Vườn chuối” thu hút hơn 5.000 khách thăm quan. Thư viện Hà Nội thực hiện luân chuyển sách tháng 02 (dự kiến 40 điểm với số lượng 8.000 bản sách tới các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội; trưng bày sách, báo “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân đất nước” kỷ niệm 96 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2026) và mừng Xuân Bính Ngọ tại Trung tâm Văn hóa và Thư viện Hà Nội cơ sở Bà Triệu.

Trong tháng Hai, các di tích thuộc Thành phố quản lý tổ chức tiếp đón các cơ quan, đoàn thể và Nhân dân đến dâng hương và tham quan du lịch tất cả các

ngày trong dịp đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ. Trong dịp này, Thành phố miễn phí tham quan 17 di tích, danh lam thắng cảnh dịp đầu Xuân trong ba ngày mùng 4, 5, 6 Tết nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của người dân Thủ đô, du khách trong nước và quốc tế. Từ ngày 14/02/2026 đến 9h sáng ngày 22/02/2026 (ngày 27 tháng Chạp năm Ất Tỵ đến ngày mùng 06 Tết năm Bính Ngọ), đã đón tiếp khoảng gần 308 nghìn lượt khách. Tiếp tục duy trì tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống và hiện đại. Tính chung tháng Hai, các di tích trên địa bàn Thành phố đã đón hơn 497,4 nghìn lượt khách, doanh thu phí ước đạt 15,4 tỷ đồng; các đơn vị nghệ thuật tổ chức 227 buổi biểu diễn, trong đó 52 buổi diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại và 175 buổi biểu diễn có doanh thu với tổng số tiền là 6,6 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm tới nay, tại các di tích, danh thắng đã đón gần 743,4 nghìn lượt khách đến tham quan, tăng 85,9% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu phí, lệ phí tham quan đạt 28,6 tỷ đồng, tăng 14,4%.

Hoạt động thể thao: Trong tháng Hai, Thành phố tiếp tục cử các đoàn huấn luyện viên, vận động viên đi tập huấn, thi đấu các giải đấu trong nước và quốc tế, đồng thời phối hợp tổ chức các giải thi đấu chuyên nghiệp theo kế hoạch. Đội tuyển Thể thao người khuyết tật Hà Nội tham gia Đoàn Thể thao người khuyết tật Việt Nam tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á. Đoàn Hà Nội đã đạt 16 huy chương Vàng, 11 huy chương Bạc, 11 huy chương Đồng, đóng góp lớn vào thành tích chung của Đoàn thể thao người khuyết tật Việt Nam.

7. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Trong tháng Hai, Công an thành phố Hà Nội tăng cường bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các địa điểm lễ hội, vui chơi giải trí, những nơi tập trung đông người. Phát động đợt cao điểm ra quân tập trung phòng, chống tội phạm; đồng thời chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ để nhân dân Thủ đô đón Tết, vui Xuân trong yên bình. Trong dịp Tết, Công an Thành phố chủ động triển khai 100% lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự phối hợp với Công an các xã phường tập trung điều hành, hướng dẫn giao thông tại các nút giao thông trọng điểm; bố trí các tổ tuần tra kiểm soát để xử lý các vi phạm, phòng chống ùn tắc giao thông cục bộ các ngày trước, trong dịp Tết Nguyên đán, không để xảy ra tình trạng ùn tắc kéo dài tại các tuyến đường cửa ngõ vào Thành phố phục vụ người dân đi lại thuận tiện, thông suốt; tăng cường xử lý các hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến ùn tắc và tai nạn giao thông, đặc biệt là các trường hợp vi phạm nồng độ cồn. Tăng cường tuần tra, kiểm soát phòng chống đua xe và cổ vũ đua xe trái phép nhất là thời điểm trước, trong và sau Giao thừa.

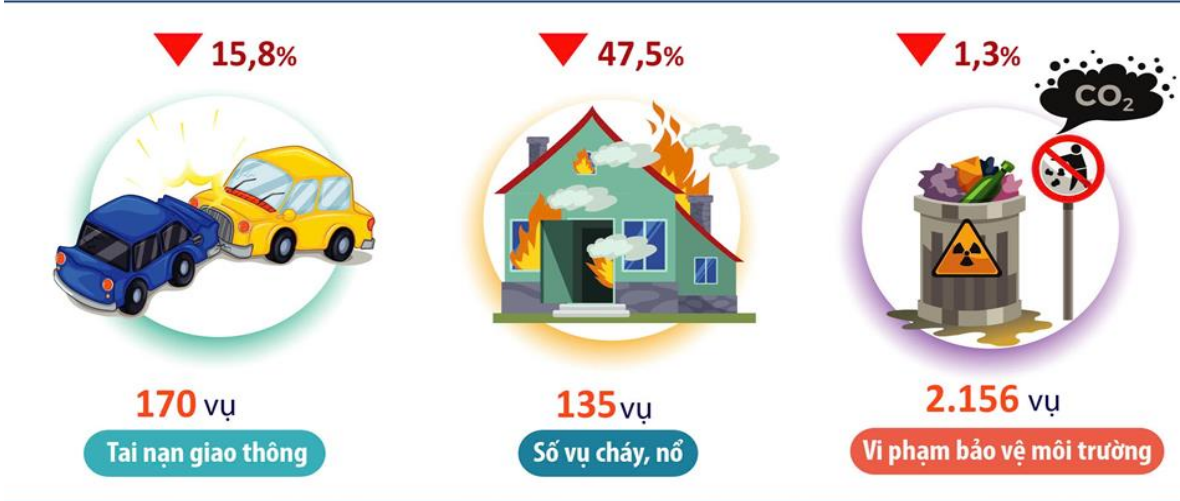
Trong 09 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ: Trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 11 vụ tai nạn giao thông làm 06 người chết và bị thương 11 người (so với dịp tết Nguyên đán Ất Ty 2025, giảm 13 vụ tai nạn, giảm 10 người chết và giảm 04 người bị thương). Cũng trong dịp này xảy ra 29 vụ cháy, không có thiệt hại về người (so với Tết Nguyên đán Ất Ty 2025, giảm 29 vụ cháy). Bên cạnh đó, trong dịp Tết, Thành phố xảy ra 34 vụ phạm tội về trật tự xã hội (tăng 8 vụ so với cùng kỳ Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025) trong đó xảy ra 4 vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng (tăng 4 vụ so với cùng kỳ Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025). Phát hiện, khám phá 10 vụ với 13 đối tượng mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy (xử lý hình sự 7 vụ với 9 đối tượng; xử lý hành chính 3 vụ với 4 đối tượng). Thu giữ 3,9 gam ma túy tổng hợp; 292,9 gam heroin; 18,6 gam cần sa. Tình hình mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo trái phép được kiểm soát và kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến pháo.

Tính chung tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Hai (từ 15/01/2026 đến 14/02/2026) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng, đã phát hiện 349 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 504 đối tượng; phát hiện 425 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 481 đối tượng, thu ngân sách 10,8 tỷ đồng; phát hiện 70 vụ cờ bạc, bắt giữ 243 đối tượng; triệt phá 251 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 529 đối tượng. Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn Thành phố phát hiện 727 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 1.016 đối tượng; xử lý 1.215 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 1.344 đối tượng, thu nộp ngân sách 38,4 tỷ đồng; bắt giữ 190 vụ cờ bạc với 655 đối tượng; triệt phá 941 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 1.831 đối tượng.

An toàn giao thông: Thành phố Hà Nội với mật độ dân số cao và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông lớn, luôn phải đối mặt với những thách thức trong việc đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Trong tháng Hai, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 90 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 56 người chết và 47 người bị thương. Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 02 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng làm 04 người chết; 54 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 52 người chết và 11 người bị thương; 34 vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm làm 36 người bị thương. Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn Thành phố tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2025, cụ thể: Xảy ra 170 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 15,8%; làm 115 người chết, giảm 2,5% và 77 người bị thương, giảm 43,4%.

**Số vụ tai nạn giao thông, cháy nổ và vi phạm môi trường
trên địa bàn Thành phố 02 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)**



Về phòng chống cháy nổ: Tháng Hai, trên địa bàn Thành phố xảy ra 71 vụ cháy, làm 02 người bị thương (trong đó có 67 vụ cháy cấp I; 02 vụ cháy cấp II làm 02 người bị thương). Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 135 vụ cháy, nổ giảm 47,5% so với cùng kỳ năm 2025; làm chết 3 người tương đương cùng kỳ và 05 người bị thương, tăng 66,7%.

Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện 735 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường; xử lý 694 vụ với 700 đối tượng; thu nộp ngân sách 4,4 tỷ đồng. Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2026, ghi nhận 2.156 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường, xử lý 2.086 đối tượng, giảm 1,3% về số vụ và giảm 1,8% đối tượng so với cùng kỳ năm 2025, thu nộp ngân sách 13,3 tỷ đồng, tăng 56,6%.

III. DỰ BÁO KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG BA VÀ QUÝ I NĂM 2026.

Theo quan sát số liệu thống kê trong 05 năm gần đây, tốc độ tăng trưởng quý I các năm thường thấp nhất trong 4 quý của năm do các yếu tố:

Tác động của Tết Nguyên đán: Thời gian nghỉ Tết Nguyên đán dài, thường rơi vào tháng Một hoặc tháng Hai, làm giảm đáng kể số ngày làm việc thực tế trong quý I so với các quý còn lại. Dẫn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu tạm dừng hoặc hoạt động duy trì cầm chừng.

Hoạt động bán buôn, bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng giảm: Sau mỗi mùa Tết Nguyên đán, thị trường tiêu dùng Việt Nam bước vào giai đoạn mang tính thời vụ, chu kỳ lặp đi lặp lại hàng năm với sức mua suy giảm rõ rệt so với dịp cuối năm đặc biệt là thị trường thực phẩm, đồ uống, thời trang, bất động sản, hàng hóa tiêu dùng không thiết yếu, hàng hóa lâu bền như hàng điện tử, nội thất... khiến hàng hóa tồn kho cuối quý I gia tăng, nhiều doanh nghiệp và hộ kinh doanh phải điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh; giảm nhân công và các chi phí khác; hoạt động cầm chừng đẩy mạnh tăng trưởng vào các quý tiếp theo.

Khởi động lại hoạt động sản xuất: Sau thời gian nghỉ Tết kéo dài, các doanh nghiệp phải ổn định nhân sự, khởi động lại máy móc, tìm kiếm đơn hàng mới vì lượng lớn hàng hóa sản xuất đã được đẩy mạnh tiêu thụ vào dịp cuối năm phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, khiến hoạt động sản xuất công nghiệp trong quý I chậm lại, tăng trưởng không cao.

Giải ngân vốn đầu tư công chậm: Những năm gần đây, quý I là giai đoạn hoàn thiện thủ tục hành chính, rà soát các dự án, lập kế hoạch và đấu thầu, dẫn đến việc giải ngân vốn đầu tư công thường chậm hơn so với các quý trong năm.

Năm 2026, thành phố Hà Nội đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP cao (trên 11,0%). Thách thức này rất lớn trong bối cảnh địa chính trị thế giới và các nước trong khu vực tiếp tục diễn biến khó lường. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng cả năm, trên cơ sở đánh giá tình hình, Thành phố Hà Nội xây dựng các phương án khắc phục tồn tại, không để kiến nghị kéo dài; khẩn trương hoàn thiện các chương trình công tác, chương trình hành động của năm, gắn với thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị. Tập trung đẩy mạnh tiến độ các dự án trọng điểm, nhất là các công trình đã khởi công dịp 19/8 và 19/12 năm trước; triển khai 02 dự án Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng và Khu đô thị thể thao Olympic; phát triển hạ tầng số, dữ liệu gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh Khu công nghệ cao Hòa Lạc...

Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; phân đấu mục tiêu tăng trưởng Quý I đạt 10,23% thì kinh tế thành phố Hà Nội trong tháng Ba phải tăng tốc mạnh hơn về mọi mặt; giải quyết các “điểm nghẽn”, đặc biệt là điểm nghẽn về thể chế; giải phóng mọi nguồn lực; cải tiến và đổi mới môi trường đầu tư, kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia, đóng góp vào kinh tế Thủ đô.

Dựa trên kịch bản tăng trưởng năm 2026 đã xây dựng. Theo ghi nhận, quan sát và tính toán 02 tháng đầu năm nay, cơ quan Thống kê đưa ra một số lĩnh vực chủ yếu cần quan tâm và chỉ đạo của Thành phố và các cấp, các ngành như sau:

Khu vực công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2026 ước tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,3%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 7,2%. Về cơ bản, toàn ngành công nghiệp có thể đạt theo kịch bản đã đề ra trong đó có một số ngành có tốc độ tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 30,3%; sản xuất kim loại tăng 21,1%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 19,0%; sản xuất đồ uống tăng 16,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại tăng 15,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 14,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,8%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 12,2%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

tăng 11,8%. Sản xuất phương tiện vận tải khác (chiếm tỷ trọng 4,7%) hai tháng đầu năm nay có sự phục hồi, tăng 10,75%. Bên cạnh đó, 5/23 ngành công nghiệp chế biến chế tạo cần chú ý do có chỉ số IIP 2 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ: Dịch vụ in và sao chụp bản ghi (chiếm tỷ trọng 1,4%) giảm 21,3%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (chiếm 0,7%) giảm 5,5%; sản xuất trang phục (chiếm 4,4%) giảm 4,0%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 0,3%; công nghiệp chế biến chế tạo khác (chiếm 4,0%) giảm 3,4%.

Khu vực Thương mại: Đề tốc độ tăng trưởng quý I/2026 đạt 12,28% như kịch bản đã xây dựng thì mục tiêu ngành bán buôn phải tăng 16,7%, bán lẻ tăng 21,62%. Điều này khá khó khăn qua theo dõi các năm và các yếu tố ảnh hưởng của Tết Nguyên đán đã được nêu ở trên. Vì vậy Thành phố cần tổ chức nhiều hoạt động kích cầu tiêu dùng, tăng cường mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tập trung vào các sản phẩm đặc thù, có giá trị lớn. Cụ thể tháng 3/2026 doanh thu bán buôn cần đạt 264,1 nghìn tỷ đồng; bán lẻ đạt 49,3 nghìn tỷ đồng.

Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống: Hai tháng đầu năm hoạt động lưu trú tăng trưởng chậm do trùng thời gian nghỉ Tết, khách nội địa đến Hà Nội thường là khách trong ngày, không qua các cơ sở lưu trú. Tháng 3 cần phải có chỉ số tăng trưởng gấp đôi so với tháng 01 và 02 mới đạt được tốc độ theo như Kịch bản.

Về đầu tư công: Rà soát lại tổng thể danh mục dự án chuyển tiếp, xem xét đình, giãn, hoãn tiến độ triển khai các dự án chậm tiến độ kéo dài, không hiệu quả, chưa cần thiết và xác định danh mục các công trình đầu tư công trọng điểm ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2026-2030.

Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, thuế, đất đai; tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, dễ tiếp cận thông tin về vốn vay và các ưu đãi từ các cơ quan Nhà nước. Triển khai các gói tín dụng ưu đãi, giảm mặt bằng lãi suất cho vay; tăng cường kết nối cung - cầu để mở rộng thị trường cho doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 02 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Ước tính 02 tháng năm 2026	02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	109,4
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	12843	141,7
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	820966	111,9
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	171455	113,2
5. Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	49904	122,0
6. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Nghìn lượt người	1550	136,0
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn lượt người</i>	<i>1118</i>	<i>138,7</i>
7. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	3329	117,4
8. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	9649	147,5
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	-	103,91
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	190628	109,5
11. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	23107	166,8

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 02 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
Nông nghiệp				
<i>Trồng trọt</i>				
Diện tích gieo trồng cây hàng năm				
Lúa vụ Đông xuân	Ha	56000	57000	101,8
Ngô	Ha	6813	6048	88,8
Khoai lang	Ha	956	947	99,1
Đậu tương	Ha	831	822	98,9
Lạc	Ha	710	531	74,8
Rau các loại	Ha	21094	21376	101,3
Đậu các loại	Ha	150	190	126,7
<i>Chăn nuôi</i>				
Trâu	Nghìn Con	28,0	27,8	99,3
Bò	Nghìn Con	114	108	94,7
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	Nghìn Con	1230	1200	97,6
Gia cầm (Gà, vịt, ngan)	Nghìn Con	31500	32200	102,2
<i>Trong đó: gà</i>	<i>Nghìn Con</i>	<i>22400</i>	<i>22850</i>	<i>102,0</i>
Lâm nghiệp				
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	-	-	-
Sản lượng gỗ khai thác	M ³	3321	3240	97,6
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	Nghìn cây	66	64	97,0
Thủy sản nuôi trồng	Tấn	18701	19551	104,5
Cá	Tấn	18700	19550	104,5
Thủy sản khác	Tấn	1	1	100,0

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 01 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 02 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	124,6	81,6	95,1	109,4
Khai khoáng	107,1	69,1	89,4	99,1
Khai khoáng khác	107,1	69,1	89,4	99,1
Công nghiệp chế biến, chế tạo	126,4	79,8	94,0	109,6
Sản xuất chế biến thực phẩm	117,7	85,0	99,3	108,5
Sản xuất đồ uống	134,6	60,9	95,7	116,7
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	111,6	82,6	88,3	99,7
Dệt	122,1	68,0	93,6	108,7
Sản xuất trang phục	122,8	80,7	75,5	96,0
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	101,4	63,3	85,3	94,5
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	107,3	95,4	101,1	104,2
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	139,8	62,9	84,8	111,8
In, sao chụp bản ghi các loại	79,9	75,5	77,1	78,7
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	139,0	70,5	88,1	112,2
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	125,8	98,8	92,1	106,5
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	158,9	70,0	103,7	130,3
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	129,8	66,5	78,2	102,8
Sản xuất kim loại	135,5	64,3	104,0	121,1
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	124,5	85,6	106,0	115,2
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	133,6	85,5	105,6	119,0
Sản xuất thiết bị điện	129,6	77,2	96,5	112,8
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	123,6	61,5	79,1	101,8
Sản xuất xe có động cơ	129,8	78,0	99,9	114,7
Sản xuất phương tiện vận tải khác	132,4	89,5	93,6	110,8
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	112,2	85,3	94,5	103,3
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	112,0	86,1	83,3	96,6
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	106,4	63,0	104,1	105,5

3. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 01 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 02 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	108,6	97,8	106,1	107,3
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	108,6	97,8	106,1	107,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	114,5	96,3	100,6	107,2
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	120,9	102,7	100,5	109,6
Thoát nước và xử lý nước thải	109,5	78,5	97,7	103,9
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	110,2	94,0	101,3	105,7

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 01	tháng 02	02 tháng	Tháng 02	02 tháng
		năm	năm	năm	năm	năm
		2026	2026	2026	2026	2026
Đá xây dựng	Nghìn M ³	311	215	526	89,4	99,1
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	12	12	24	72,8	77,6
Sữa và kem dạng bột	Tấn	209	175	384	101,2	114,0
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	1769	793	2562	75,7	99,1
Bia các loại	Triệu Lít	33	18	51	94,1	115,1
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	167	138	305	88,3	99,7
Quần áo người lớn (trừ sơ mi)	Nghìn cái	825	675	1500	100,7	113,1
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	Nghìn cái	2062	1563	3625	67,1	92,0
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	Nghìn cái	4700	4137	8837	86,3	99,7
Giày, dép	Nghìn đôi	475	340	815	91,0	89,1
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	4707	4227	8934	97,5	104,1
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	Nghìn chiếc	7661	4265	11926	124,7	155,8
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	Triệu chiếc	67	38	105	82,5	113,4
Giấy và bìa nhãn	Tấn	6893	4621	11514	56,2	77,5
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6591	4833	11424	102,1	123,6
Phân bón các loại	Nghìn tấn	36	24	60	82,8	107,1
Thuốc trừ sâu	Tấn	675	623	1298	68,5	69,7
Thuốc kháng sinh dạng viên	Tỷ viên	52	41	93	86,0	107,9
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	12	9	21	104,8	92,6
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	218	161	379	107,1	138,7
Dung dịch đậm huyết thanh	Nghìn lít	3966	4514	8480	89,0	105,4
Cửa bằng plastic	Tấn	6445	3789	10234	116,8	179,5
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	4678	3586	8264	99,9	117,1
Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	Nghìn cái	408	172	580	103,0	118,2
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Nghìn M ³	299	200	499	160,2	163,3
Ổng không nối, mặt cắt hình tròn bằng thép	Tấn	6559	5491	12050	106,8	112,7
Cửa bằng sắt, thép	Nghìn M ²	83	70	153	144,5	121,9
Mạch điện tử tích hợp	Triệu cái	169	150	319	97,4	113,9

**4. (Tiếp theo) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
tháng Hai và 02 tháng năm 2026**

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 01	tháng 02	02 tháng	Tháng 02	02 tháng
		năm	năm	năm	năm	năm
		2026	2026	2026	2026	2026
Máy copy - in	Nghìn cái	800	643	1443	139,1	172,7
Máy điện thoại hữu tuyến	Nghìn cái	51	38	89	61,5	75,2
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Nghìn cái	269	270	539	181,3	158,2
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	2095	1457	3552	78,2	99,4
Dây dẫn điện	Nghìn tấn	12	11	23	98,5	102,3
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Nghìn cái	31	19	50	97,0	103,8
Quạt công suất không quá 125W	Nghìn cái	106	36	142	15,5	41,4
Dụng cụ đun nước nóng	Nghìn cái	53	59	112	197,0	179,2
Xe có động cơ	Chiếc	494	360	854	183,8	218,1
Thiết bị khác dùng cho động cơ	Nghìn cái	3247	1873	5120	62,9	90,9
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Triệu Cái	74	64	138	99,1	108,5
Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	Nghìn cái	10	9	19	86,4	103,0
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Nghìn chiếc	42	35	77	187,4	261,0
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Nghìn tấn	41	38	79	85,5	99,0
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Nghìn chiếc	53	52	105	111,1	109,6
Bàn bằng gỗ các loại	Nghìn chiếc	399	312	711	74,2	87,6
Ghế có khung bằng kim loại	Nghìn chiếc	280	180	460	92,7	122,9
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2027	1983	4010	106,1	107,3
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M ³	32	34	66	98,8	112,4

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai và 02 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %								
	KH	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 02 năm 2026		02 tháng năm 2026	
	năm	tháng 01	tháng 02	02 tháng	tháng	cùng kỳ	Kế	cùng kỳ
	2026	năm	năm	năm	trước	năm	hoạch	năm
		2026	2026	2026		trước		trước
TỔNG SỐ	126001	7461	5382	12843	72,1	117,8	10,2	141,7
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	67292	4185	3045	7230	72,7	171,1	10,7	204,6
Vốn cân đối ngân sách thành phố	59645	3763	2740	6503	72,8	220,3	10,9	262,3
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	36494	2175	1586	3761	72,9	309,7	10,3	370,7
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	5104	249	180	429	72,4	56,9	8,4	68,1
Vốn nước ngoài (ODA)	2118	146	105	251	72,0	54,3	11,9	67,2
Xổ số kiến thiết	425	27	20	47	72,0	78,1	11,0	92,1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	58709	3276	2337	5613	71,4	83,8	9,6	101,5
Vốn cân đối ngân sách xã	33091	1808	1292	3100	71,4	704,7	9,4	929,7
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	20763	1011	721	1733	71,3	442,8	8,3	584,4
Vốn TP hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	25618	1468	1045	2513	71,2	40,1	9,8	48,4

**6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội
tháng Hai và 02 tháng năm 2026**

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>						
	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Ước tính 02 tháng 02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	400266	420700	820966	105,1	117,8	111,9
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	32492	33500	65992	103,1	107,0	104,2
Ngoài Nhà nước	349805	368500	718305	105,3	119,2	113,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	17969	18700	36669	104,1	110,5	106,2
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Thương nghiệp	335083	353300	688383	105,4	119,5	113,0
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	10476	10900	21376	104,1	109,5	109,9
Du lịch lữ hành	2617	2680	5297	102,4	103,6	107,3
Dịch vụ khác	52090	53820	105910	103,3	109,6	106,1
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	84045	87410	171455	104,0	119,3	113,2
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	9606	9930	19536	103,4	111,1	108,3
Ngoài Nhà nước	71292	74200	145492	104,1	120,7	114,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3147	3280	6427	104,2	114,8	110,9
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Bán lẻ hàng hóa	55232	57680	112912	104,4	123,5	115,8
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	10476	10900	21376	104,1	109,5	109,9
Du lịch lữ hành	2617	2680	5297	102,4	103,6	107,3
Dịch vụ khác	15720	16150	31870	102,7	115,0	107,7
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>						
Nhà nước	11,4	11,4	11,4	-	-	-
Ngoài Nhà nước	84,8	84,9	84,9	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3,8	3,7	3,7	-	-	-

**7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
tháng Hai và 02 tháng năm 2026**

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %						
	Thực hiện	Ước tính	02 tháng		Tháng 02 năm 2026		02 tháng
	tháng 01	tháng 02	năm 2026		so với		năm 2026
	năm	năm	Tổng	Cơ	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	mức	cấu	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	84045	87410	171454	100,0	104,0	119,3	113,2
Bán lẻ hàng hóa	55232	57680	112912	65,8	104,4	123,5	115,8
Lương thực, thực phẩm	12023	12817	24840	14,5	106,6	123,3	113,2
Hàng may mặc	3379	3474	6853	4,0	102,8	118,6	110,3
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	6398	6686	13084	7,6	104,5	123,4	115,1
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	798	820	1618	0,9	102,7	114,6	105,9
Gỗ và vật liệu xây dựng	1136	1157	2293	1,3	101,9	122,1	112,5
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	5577	5736	11313	6,6	102,9	116,4	106,2
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1395	1416	2811	1,6	101,5	120,2	108,1
Xăng, dầu các loại	9325	9728	19053	11,1	104,3	125,1	116,4
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	727	749	1476	0,9	103,0	123,5	114,9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2058	2175	4233	2,5	105,7	155,4	149,7
Hàng hóa khác	11185	11660	22845	13,3	104,2	125,2	115,6
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1231	1262	2493	1,5	102,6	113,9	110,7
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	10476	10900	21376	12,5	104,1	109,5	109,9
Dịch vụ lưu trú	1205	1225	2430	1,4	101,7	118,9	120,9
Dịch vụ ăn uống	9271	9675	18946	11,0	104,4	108,4	108,6
Du lịch lữ hành	2617	2680	5297	3,1	102,4	103,6	107,3
Dịch vụ khác	15720	16150	31870	18,6	102,7	115,0	107,7

8. Kim ngạch xuất khẩu tháng Hai và 02 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Triệu USD; %</i>						
	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Ước tính 02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	1670	1659	3329	99,3	113,8	117,4
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>						
Khu vực kinh tế trong nước	878	871	1749	99,2	106,3	106,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	792	788	1580	99,4	123,4	131,9
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
Hàng nông sản	144	140	284	96,6	136,6	132,4
<i>Trong đó: + Gạo</i>	17	17	34	96,3	52,2	44,4
+ Cà phê	78	62	140	79,3	149,6	190,9
Hàng may, dệt	200	185	385	92,9	130,5	114,4
Giày dép các loại và SP từ da	41	40	81	97,4	147,8	122,5
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	265	245	510	92,5	116,7	134,3
Hàng gốm sứ	17	15	32	93,0	99,3	106,5
Xăng dầu	0,2	48	48	22966,5	92,6	52,6
Máy móc thiết bị phụ tùng	264	258	522	97,8	121,4	128,4
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	33	32	65	95,9	134,5	126,3
Phương tiện vận tải và phụ tùng	170	166	336	97,0	77,6	95,6
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	76	75	151	98,7	128,6	116,9
Điện thoại và linh kiện	16	16	32	99,1	134,5	179,2
Hàng hoá khác	444	439	883	99,1	112,9	116,2

9. Kim ngạch nhập khẩu tháng Hai và 02 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Triệu USD; %</i>						
	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Ước tính 02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	5013	4636	9649	92,5	137,3	147,5
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	4245	2436	6681	57,4	88,5	122,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	768	2200	2968	286,3	352,7	268,7
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	873	867	1740	99,3	148,4	148,2
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	357	354	711	99,3	170,9	176,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	591	465	1056	78,8	174,7	228,0
Hàng điện gia dụng và linh kiện	77	52	129	67,5	70,0	102,1
Xăng dầu	469	325	794	69,2	104,7	116,1
Sắt thép	248	225	473	90,3	102,3	132,1
Chất dẻo	136	112	248	82,7	78,0	101,6
Thức ăn gia súc	65	55	120	85,3	78,0	94,8
Vải	94	84	178	88,0	119,7	121,8
Kim loại khác	172	181	353	105,5	106,3	117,6
Ngô	87	68	155	77,7	274,3	226,9
Sản phẩm chất dẻo	92	85	177	93,3	140,2	139,9
Sản phẩm hóa chất	90	85	175	93,9	137,0	143,4
Hàng hóa khác	1662	1678	3340	100,9	150,8	152,0

10. Vận chuyển hành khách tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Ước tính 02 tháng 02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với (%)		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn người)	48821	52980	101801	108,5	129,7	126,6
Đường bộ	47392	51394	98786	108,4	129,1	125,8
Đường thủy nội địa	189	226	415	119,1	100,3	103,4
Đường sắt	1240	1360	2600	109,7	164,9	172,4
Luân chuyển (Triệu người.km)	1385	1496	2881	108,0	125,7	122,8
Đường bộ	1373	1483	2856	108,1	125,6	122,6
Đường thủy nội địa	2	2	4	118,9	105,0	105,1
Đường sắt	10	11	21	105,7	156,7	167,1

11. Vận tải hàng hóa tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Ước tính 02 tháng 02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với (%)		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Vận chuyển (Nghìn tấn)	162031	169446	331477	104,6	114,6	111,7
Đường bộ	154652	161704	316356	104,6	114,4	111,4
Đường ven biển và viễn dương	6742	7080	13822	105,0	117,6	117,8
Đường thủy nội địa	425	442	867	103,9	111,6	110,8
Đường sắt	212	220	432	104,2	118,3	116,1
Luân chuyển (Triệu tấn.km)	16002	16635	32636	104,0	116,3	113,6
Đường bộ	4640	4835	9475	104,2	114,2	111,4
Đường ven biển và viễn dương	11295	11731	23026	103,9	117,2	114,6
Đường thủy nội địa	51	53	104	103,6	115,0	112,2
Đường sắt	15	16	31	104,0	118,0	115,9

**12. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và
Bưu chính chuyển phát tháng Hai và 02 tháng năm 2026**

	<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>					
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 02 năm 2026		02 tháng
	tháng 01	tháng 02	02 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	24647	25257	49904	102,5	123,4	122,0
Vận chuyển hành khách	2449	2566	5016	104,8	121,6	120,6
Đường bộ	2416	2529	4945	104,7	121,6	120,6
Đường thủy nội địa	18	22	40	119,0	105,1	105,1
Đường sắt	16	16	32	103,2	153,3	165,0
Vận tải hàng hóa	9290	9642	18932	103,8	115,0	112,5
Đường bộ	5571	5792	11363	104,0	114,3	111,7
Đường ven biển và viễn dương	3617	3744	7361	103,5	116,1	113,8
Đường thủy nội địa	85	89	174	103,6	114,9	112,9
Đường sắt	17	18	34	104,2	118,1	116,0
Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	11451	11550	23001	100,9	132,5	132,1
Bưu chính chuyển phát	1457	1499	2955	102,9	118,9	117,5

13. Khách du lịch tháng Hai và 02 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: Nghìn lượt người; %</i>					
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 02 năm 2026		02 tháng
	tháng 01	tháng 02	02 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	848	702	1550	82,7	119,8	136,0
a. Khách nội địa	214	219	432	102,3	126,2	129,3
Chia ra						
- Khách trong ngày	94	97	191	102,7	124,4	128,2
- Khách ngủ qua đêm	120	122	242	102,1	127,7	130,2
b. Khách quốc tế	635	483	1118	76,2	117,1	138,7
Khách do cơ sở lưu hành phục vụ	312	320	632	102,7	146,3	147,1
- Khách quốc tế	58	60	118	104,2	232,6	229,2
- Khách trong nước	254	260	514	102,4	134,7	136,0

**14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
tháng Hai và bình quân 02 tháng năm 2026**

	Tháng 02 năm 2026 so với:				Đơn vị tính: % Bình quân
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 02 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 01 năm 2026	02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	108,50	104,36	101,34	101,27	103,91
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,42	106,15	102,39	102,48	105,07
<i>Trong đó: Lương thực</i>	108,54	101,72	100,92	100,80	101,58
<i>Thực phẩm</i>	109,46	107,00	102,73	102,97	105,58
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	105,68	105,62	102,06	101,86	105,04
Đồ uống và thuốc lá	103,80	102,48	101,43	101,10	101,94
May mặc, mũ nón và giày dép	103,27	101,98	100,82	100,55	101,86
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	114,18	107,84	101,52	100,53	107,92
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,57	102,72	101,48	101,23	102,17
Thuốc và dịch vụ y tế	105,05	100,13	100,04	100,04	100,12
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	108,43	100,01	100,01	100,01	100,01
Giao thông	95,68	98,64	99,27	101,12	98,40
Thông tin truyền thông	100,23	99,60	99,85	100,05	99,67
Giáo dục	126,14	104,60	100,20	100,19	104,51
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	128,58	104,92	100,20	100,20	104,82
Văn hoá, giải trí và du lịch	100,34	104,62	102,21	102,14	103,75
Hàng hóa và dịch vụ khác	104,65	103,01	101,22	101,06	102,60
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	235,58	193,63	115,66	110,84	189,81
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104,19	102,46	99,08	99,17	102,95

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước 02 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>			
	Ước tính 02 tháng năm 2026	02 tháng năm 2026 so với dự toán	02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	190628	29,3	109,5
<i>Thu nội địa</i>	184778	30,3	108,8
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	21339	25,6	107,2
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	10325	24,5	127,6
Thu từ khu vực CTN-DV ngoài Nhà nước	52114	36,6	133,4
Thuế thu nhập cá nhân	12302	17,7	104,4
Thuế bảo vệ môi trường	603	16,7	155,9
Thu phí, lệ phí cân đối ngân sách	4625	15,4	170,7
Lệ phí trước bạ	1362	13,3	138,4
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37	5,3	120,2
Thu tiền sử dụng đất	26600	32,1	122,6
Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	3642	24,3	98,3
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1	...	133,9
Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	86	20,3	153,4
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	17891	33,9	71,3
Thu khác ngân sách	2215	11,1	122,0
<i>Thu từ dầu thô</i>	828	23,7	2466,3
<i>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</i>	5011	13,7	121,8
<i>Thu viện trợ không hoàn lại</i>	10	93,0	5,1
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	23107	9,8	166,8
<i>Chi đầu tư phát triển</i>	8671	6,9	320,8
<i>Chi thường xuyên</i>	14285	17,8	128,8

16. Tín dụng ngân hàng

<i>Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện đến 31/01/2026	Ước tính đến 28/02/2026	Ước đến 28/02/2026 so với 31/01/2026	Ước đến 28/02/2026 so với 31/12/2025
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	7122	7161	100,55	101,13
<i>Tiền gửi</i>	6311	6349	100,60	101,23
- Tiền gửi tiết kiệm	1837	1851	100,77	101,30
- Tiền gửi có kỳ hạn	3077	3087	100,32	100,62
- Tiền gửi thanh toán	1397	1411	101,00	102,51
<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	811	812	100,15	100,35
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>801</i>	<i>802</i>	<i>100,15</i>	<i>100,35</i>
TỔNG DƯ NỢ	5825	5871	100,80	101,66
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	2297	2317	100,90	101,75
Dư nợ trung và dài hạn	3528	3554	100,74	101,60
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	5611	5656	100,81	101,67
Dư nợ bằng Ngoại tệ	214	215	100,50	101,30

17. Trật tự, an toàn xã hội tháng Hai và 02 tháng năm 2026

(Từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 đến ngày 14 tháng 02 năm 2026)

	Đơn vị tính	Tháng 01 năm 2026	Tháng 02 năm 2026	02 tháng năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với (%)		02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	cùng kỳ năm trước (%)
Phạm pháp hình sự							
Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	378	349	727	92,3	72,4	60,8
Số vụ phạm pháp do công an khám phá	Vụ	283	271	554	95,8	88,6	75,6
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	512	504	1016	98,4	109,1	83,5
Số vụ phát hiện vi phạm pháp luật về kinh tế	Vụ	790	425	1215	53,8	168,0	105,9
Số đối tượng bị xử lý	Người	863	481	1344	55,7	165,3	107,5
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	27590	10825	38415	39,2	11,3	31,0
Tệ nạn xã hội							
Số vụ cờ bạc	Vụ	120	70	190	58,3	250,0	118,8
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	412	243	655	59,0	207,7	94,4
Số vụ vi phạm pháp luật về ma túy	Vụ	690	251	941	36,4	220,2	111,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	1302	529	1831	40,6	324,5	145,0
Số vụ xử lý hình sự	Vụ	672	243	915	36,2	225,0	111,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	1211	464	1675	38,3	313,5	145,7
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	80	90	170	112,5	107,1	84,2
Đường bộ	"	80	90	170	112,5	112,5	86,7
Số người chết	Người	59	56	115	94,9	101,8	97,5
Đường bộ	"	59	56	115	94,9	109,8	102,7
Đường sắt	"	-	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	30	47	77	156,7	88,7	56,6
Đường bộ	"	30	47	77	156,7	88,7	56,6
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	64	71	135	110,9	62,8	52,5
Số người chết	Người	3	-	3	-	-	100,0
Số người bị thương	Người	3	2	5	66,7	66,7	166,7
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	1421	735	2156	51,7	143,3	98,7
Số vụ đã xử lý	Vụ	1380	694	2074	50,3	133,2	97,8
Số đối tượng bị xử lý	Người	1386	700	2086	50,5	134,1	98,2
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	8938	4390	13328	49,1	164,9	156,6